

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 3 (PHẦN CUỐI)

Sớ: Khiến cùng tùy thuận v.v...

Đây là Tùy chuyển môn, nên trong Câu-xá luận quyển 10 ghi: Ba hòa có ba:

1. Đồng ở một đời nên gọi là ba hòa.

2. Nhân quả thuận nhau không trái phản nhau nên gọi là ba hòa, nghĩa là căn cùng cảnh tuy ở quá khứ vị lai, thức ở hiện tại, nghĩa nhân quả thành.

3. Xen nhau tùy thuận đồng được một quả, nghĩa là căn cảnh thức tuy mỗi một đời đồng một quả xúc, nên gọi là hòa hợp.

Một nghĩa ban đầu nương năm thức nói, hai nghĩa sau là ý thức.

Sớ: Hoặc nương tăng thượng v.v...

Nương nghĩa Đại thừa, do Thức thứ bảy đồng thời có.

Luận: Xúc tự nó khởi nên gọi là phân biệt.

Hỏi: Căn v.v... có khả năng sinh tâm, sai khác ở trước gọi là biến dị, xúc đã tự nó có công năng nên đồng các căn gọi là biến dị?

Đáp: Các căn vì nương vô sở tự nên căn cứ sinh năng gọi là biến dị, xúc là năng y tự sở y, chỉ gọi là phân biệt chẳng phải biến dị.

Sớ: Lẽ ra nói xúc xúc làm duyên v.v...

Như mười hai chi xúc sinh ở thọ gọi là xúc duyên thọ, đã xúc sinh xúc sao không nói xúc duyên ở xúc?

Sớ: Nếu tự không tự v.v...

Xúc gọi là tự nó, tự nó sinh thọ, xúc gọi là tự nó, cũng nên tự nó mà sinh ở xúc, vì sao nói tự có sinh, không sinh, xúc không sinh xúc, xúc lẽ ra chẳng phải tự.

Sớ: Như thọ v.v... các pháp.

Thọ v.v... tâm sở hoàn toàn không thể sinh các tâm sở khác, nên không gọi phân biệt, xúc khác thọ v.v... được tên phân biệt.

Sớ: Lại như thọ lãnh xúc, không lãnh các tác ý.

Đây nói tâm sở tuy có công năng nhưng có phần hạn nhất định, thọ chỉ lãnh xúc và tướng vừa ý mà không lãnh xúc sinh tác ý, xúc chỉ tự ba mà không tự tự. Lại thọ nói lãnh xúc, xúc này nhận lấy những việc vừa ý mà không tự xúc để sinh ở thọ và tác ý v.v...

Sớ: Lại nói đối với thứ ba có sáu chuyển.

Chữ “ba” ất lằm, chữ “nó” mới thích hợp, trong luận nói “nó” mà không nói ba.

Luận: Tư đối với hành uẩn làm chủ thù thắng.

Đại tiểu Thánh giáo đều có nghĩa này, nên trong Câu-xá luận quyển 1 ghi: “Trừ trước và sau sắc thọ tướng thức, còn tất cả hành đều gọi là hành uẩn”. Nhưng Bạt-già-phạm ở trong Khế kinh nói sáu tư thân gọi là hành uẩn, do vì tối thắng. Tại sao? Hành gọi là tạo tác, tư là nghiệp tánh, nghĩa tạo tác mạnh nên gọi là tối thắng, thế nên Phật nói nếu hay tạo tác Hữu lậu Hữu vi gọi là hành thủ uẩn.

Luận: Nghĩa là các tướng xúc sở thủ vừa ý.

Hỏi: Tướng sở thủ ấy nếu căn cứ bản chất tâm vương tâm sở đều đồng. Nếu y tướng phần Du-già v.v... nói hành tướng tương tự, tại sao chỉ nói tướng xúc thọ sở thủ làm lân cận ư?

Đáp: Sở có hai cách giải thích, có nghĩa tuy nói tâm tâm sở duyên tướng tự, xúc thọ sở duyên nhưng rất tương tự.

Biện rằng: Trong cảnh sở thủ đã có tương tự, rất tương tự sai biệt, đây chính là sở duyên lại không đồng. Nói thật nghĩa, tuy là cảnh chất sở duyên đồng ảnh tự, nhưng năng duyên mà đối với cảnh thủ chẳng phải không sai biệt, nên cảnh sở thủ hiển bày năng duyên.

Luận: Nhưng xúc tự tánh là thật chẳng phải giả.

Sư Kinh bộ chấp xúc giả, luận lập tự tánh này có, nên trong Câu-xá luận quyển 10 nêu bày nghĩa Kinh bộ có hai sư. Có thuyết nói ba hòa hợp tức gọi là xúc, như trong Khế kinh nói, ba pháp tụ tập hòa hợp như vậy gọi là xúc. Có thuyết nói biệt pháp cùng tâm tương ứng, ba hòa hợp phát sinh gọi là xúc. Nay phá sư trước.

Sớ: Nay lấy giới thân đủ.

Biện rằng: Lấy chung Câu-xá lý cũng không trái, tánh tâm sở nói lựa chọn thức, căn, cảnh, không có lỗi bất định.

Sớ: “Sáu ái Kinh bộ” đến “không đồng giả xúc”.

Đã không có tự thể khác từ tha phần khác, làm sao gọi là thật? Tuy không đồng xúc do nhiều pháp thành, nương thật lập ái gọi là định giả, nên biết nhân đầu đối với giới thân đủ, cũng có bất định, chẳng phải chánh nhân.

Biện rằng: Nghĩa giả thật hình đợi bất định. Như chủng Đại thừa, chân tục tương đối, chủng chẳng phải chỉ có chân, tức gọi là giả, có không tương đối, chủng chẳng phải hoàn toàn không, lại gọi là thật. Ái cũng đồng, làm dụ có lỗi gì? Đối sở lập ba hòa hợp ấy giả xúc, ái được gọi là thật, nhân đầu không có lỗi.

Sớ: Lượng rằng, xúc riêng có tự thể.

Biện rằng: Họ đã thừa nhận ái nương tư phần lập, lẽ nào chẳng phải dụ có sở lập không thành? Nên như trong luận nói là thật chẳng phải giả, tức không có lỗi ấy. Tuy tư phần lập nhưng được gọi là thật.

Luận: Là thuộc về thực.

Sớ có hai giải thích, giải thích sau dễ biết.

trong giải thích trước nói thừa nhận thật, lựa chọn trên dụ, lỗi của sở lập, trong Kinh bộ thô sắc nói đều là giả, nên nhân thứ hai cũng không có lỗi. Có nghĩa nói nhân thứ hai ấy nếu bao gồm ba cách ăn làm đồng dụ là sở lập không thành, ba cách thô của đoạn thực là giả có, riêng dùng thức và tư hai pháp làm đồng dụ nhân thành bất định. Sớ vì sao nói đoạn thực thật có?

Biện rằng: Pháp Nhân Minh, tông nhân dụ cả ba nếu có lỗi là do chấp nhận dẫn đến nói lựa chọn, vì văn luận sơ lược, trong sớ nói thừa nhận. Lại nói tâm sở cũng thông ở sau, nói lỗi ngăn dụ nhân mới hết, vì sao lại bị vặn hỏi?

Luận: Vì làm duyên.

Có nghĩa nhân thứ ba đồng với nhân ban đầu ở trước cũng có bất định.

Biện rằng: Ái chẳng phải hoàn toàn giả, như trước đã giải thích, nên không có bất định.

Luận: Chẳng phải tức là ba hòa hợp.

Ba nhân trước thấy đều thành, đây chẳng phải ba hòa hợp thì tông không có lỗi ấy, chẳng phải tức ba hòa hợp, tông nếu thành thì thật ra Hữu tông ấy tự nhiên thành, không cần lập nhiều lần để làm tông.

Biện rằng: Giả sử thành xúc ấy chẳng phải ba hòa hợp, tại sao lý thật có tự nhiên được thành? như ái kia tuy chẳng phải ba hòa hợp cũng chẳng phải thật có, bốn tướng cộng, rốt ráo, vô sinh v.v... cũng chẳng phải ba hòa hợp, lẽ nào thật có ư? Nên biết không thể chẳng phải ba hòa hợp thành thật có tự lập.

Luận: Nghĩa là cảnh tỉnh này lẽ ra khởi tâm chủng.

Có nghĩa nương trong sớ ban đầu nói tác ý chủng tử, cảnh tỉnh rồi gặp duyên lẽ ra khởi tâm chủng, do cảnh tỉnh chủng thì chỉ có nghĩa của

chủng tử này không tương ứng, nay giải thích tương ứng vì hiện tác ý.

Giải thích: Do hiện tác ý hành tướng khó biết, đây nêu chủng để giải thích thể tánh. Tuy làm lời giải này nhưng lý ấy rất khó, nên nay chỉ nương giải thích thứ hai. Nghĩa là hiện tác ý cảnh giác hiện khởi tâm chủng tương ứng, lấy đó làm tánh, hiện hành khiến khởi chủng tử, gọi là ứng khởi chủng, chẳng phải đương khởi chủng gọi là ứng khởi.

Biện rằng: Lý nào được biết nói hiện tác ý? Nếu nói bản nói pháp tương ứng nên biết hiện, nếu vậy tâm sở cùng tâm tương ứng gọi là tương ứng, lẽ ra nên biện đủ hiện, tại sao Thức thứ tám trước cũng nói chủng? Lại nếu cảnh giác hiện khởi chủng, phàm nói chủng tử sinh quả làm nghĩa, hiện quả đã sinh tại sao ý phải cảnh giác? Nếu khiến thú hưởng cảnh, từ hiện năng này luận bản lập nói cảnh lẽ ra khởi hiện. Nếu nói do chủng hiện mới được sinh, tuy ở hiện vị chỉ nói cảnh chủng, nếu vậy trước xúc nêu bày cũng nên như vậy, trước tại sao không nói hòa hợp ba chủng? Nó đã không như vậy, ở đây tại sao như vậy? Cho nên trong sơ ban đầu giải thích lý vốn không có lỗi, còn lại như trong Nghĩa Đăng nên hiểu.

Sớ: “Chất bất định này” đến “lại nên suy nghĩ lựa chọn”.

Đây sinh v.v... Dụ có tùy theo một lỗi, trong Đại thừa không thừa nhận có tiểu sinh, giả sử có sinh v.v... các sinh lại là giả, nên không có bất định.

Luận: “Chỉ có tự tánh thọ” đến cùng các tướng khác.

Xét trong Hiển Tông luận quyển 2 ghi: “Tại sao thọ này lãnh nạp tùy xúc? Nghĩa là thọ là lân cận quả của xúc”, đây tùy theo xúc chạm với thanh để hiển nghĩa nhân, vì hay thuận thọ, thọ hay lãnh nạp, hay thuận với nhân xúc, thế nên nói thọ lãnh nạp tùy xúc. Lãnh nạp tùy xúc gọi là tự tánh thọ, lãnh nạp sở duyên tuy cũng là thọ, tất cả thấy đều cảnh lãnh nạp, thế nên chỉ nói lãnh nạp tùy xúc gọi là tự tánh thọ, biệt tướng định nên lãnh nạp sở duyên gọi là chấp thủ thọ, chẳng phải là điều ở đây biện, vì tướng bất định.

Luận: Nếu tự súc sinh gọi là lãnh xúc.

Xét trong Thuận Chánh Lý ghi: Như cha sinh con, lông mày của con đẹp đều giống ở cha, cũng như quả từ hạt sinh, quả tự ở nhân, thọ từ súc sinh nên biết cũng vậy.

Sớ: Hoặc ngay nhân là quả v.v...

Nếu nói không có, sợ có người chấp nhân tức là quả, phàm nhân quả thì không tức không lia, vì lựa chọn lẫn lộn đó nên luận nêu ra.

Luận: Lại đã thọ nhân.

Không từ người khác mà chỉ căn cứ ở tự mình mới có thể gọi là tự tánh, nay đã tự tha sao gọi là tự tánh? Lẽ ra phải gọi là thọ tự nhân mà không thể nói thọ tự tánh.

Luận: Nếu là thức ăn trong quốc ấp của vua.

Chánh Lý luận nêu đủ như trong sơ đã dẫn, thức ăn trong quốc ấp là nêu nhân để hiển quả.

Luận: Thi thiết chủng chủng danh ngôn làm nghiệp.

Hỏi: Đã thi thiết danh, đâu chẳng phải nói nhân?

Đáp: Như trong Xu Yếu, Nghĩa Đăng có biện rõ.

Có nghĩa nói, nhân có hai: Một là ý thi thiết, hai là ngôn thi thiết. Có các cảnh tượng tương trạng không đồng, ý giải thích thi thiết danh sai khác, tầm tứ so lường pháp nghĩa cạn sâu, tùy nghĩa tùy cơ mà khởi thuyết, tưởng tư chỉ có danh mà không khởi thuyết.

Đáp: Có nghĩa khiến tâm tổng quát ở trong các pháp thiện mà tạo tác, tánh của tư này ở trong ba tánh cải chuyển tạo tác gọi là nghiệp, nên nghiệp dụng này cũng chẳng phải có khắp trong nhân. Sơ nói ba biến nên chưa tận lý.

Biện rằng: Phạm nói cải chuyển dễ đổi tên khác. Nếu cũng là một loại việc thì chung lẽ ra không có tư nghiệp, vì không có cải chuyển, nên nay giải thích là tánh chỉ khiến tạo tác, nghiệp sai khiến tạo tác, đơn kép lẫn rộng lược hành tướng có khác. Đã nói các thiện các ác Vô ký, Vô ký thông ở tám thức đều có, nói tư gọi là biến thì lý cũng đâu có lỗi. Nếu chuẩn theo Du-già quyển 3, hành tướng của tư là biệt chẳng phải biến khắp, như trong sơ đã thuật, điều đó nên biết.

Luận: “Các xúc này có năm” đến “nên gọi là tương ứng”.

Sơ có hai giải thích, trừ hành tướng là thuận giáo lý. Trong Du-già nói có bốn, luận này tự nói hành tướng tuy khác, làm sao được chọn lấy?

Hỏi: Lựa chọn các pháp, nghĩa trước không hết, cần pháp sau lựa chọn trước, nếu ngăn hết thì cần pháp sau làm gì? Như khi luận bốn nghĩa, thời và y hai pháp ngăn lựa chọn đã khắp, có liên quan gì đến hai pháp sau? Lẽ nào thời và y đồng cảnh và sự chẳng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Luận này có bốn nghĩa không có thứ lớp, kể đó lẽ ra nói cảnh, thời, y sự, lựa chọn ý là sao?

Đáp: Phạm nói tương ứng, tuy tâm tâm sở chẳng phải tâm tâm sở bao gồm cộng tương ứng nên phải lựa chọn. Nếu tâm tâm sở tổng gọi là tương ứng, sở duyên sai khác nên gọi là tương ứng, nên lựa chọn

các cảnh, trước sau các tâm sở duyên các cảnh nên gọi là tương ứng, nên thời đồng lựa chọn, các thức chung khởi nên gọi là tương ứng, nên nương đồng lựa chọn, sáu thức tám thức nương đồng nên gọi là tương ứng, nên lựa chọn các việc.

2. Luận nói y thứ lớp, tuy có y đồng chẳng phải tương ứng.

Nếu nương đồng nên liền gọi là tương ứng, Thức thứ sáu, thứ tám hai thức lẽ ra gọi là tương ứng, nên lựa chọn sở duyên. Thức thứ sáu, thứ tám đồng thời duyên cảnh lẽ ra là tương ứng, nên lựa chọn sự. Giải thích sau là chính.

Sớ: Hành lựa chọn y đồng v.v...

Tức cùng duyên lựa chọn sai biệt thấy tương tự, do số này xác quyết chỉ có bốn nghĩa, nên lại không nói, lựa chọn sơ lược khởi phục như trước đã nêu đủ.

Sớ: Cực bất minh liễu là tương xả thọ.

Hỏi: Quả vị cũng xả, lẽ nào bất minh liễu?

Đáp: Phạm nói xả là trong đó dung chứa tịch tĩnh và bất minh liễu, quả tuy minh liễu nhưng là tịch tĩnh nên được gọi là xả.

Sớ: “Nếu có thể phân biệt” đến “thủ cảnh định”.

Hỏi: Vì không duyên cảnh trái thuận ấy gọi là không phân biệt, vì duyên ở cảnh không khởi phân biệt gọi là không phân biệt?

Đáp: Trái thuận có nhiều, nếu oán ái v.v... cảnh trái thuận thì nó không duyên. Nếu cảnh tổn ích, như ấm lạnh, nóng, đánh vỡ, mài ấn, bức bách, vui thích gọi là trái thuận. Tuy duyên ở cảnh mà không phân biệt tương trái thuận gọi là không phân biệt.

Hỏi: Nếu vậy tại sao gọi là thủ cảnh định.

Đáp: Nhân theo đó mà duyên thường không phân biệt, gọi là thủ cảnh định.

Hỏi: Nếu vậy sao gọi là trong thủ chứa cảnh?

Đáp: Tuy cảnh trái thuận, tâm năng duyên một loại mà duyên không phân biệt trái thuận, do cảnh từ tâm gọi là cảnh bên trong dung chứa, nếu không như vậy tại sao ở sau nói do thức chấp thọ lúc sau thân thọ sai biệt mà sinh? Nên biết bản thức duyên cảnh ấy. Có nghĩa, sở giải thích không duyên thủ cảnh định. Nếu nói duyên không định, lý này không đúng.

Biện rằng: Thủ cảnh định ngữ ý như trước đã giải thích, không đâu mà không nói duyên, tại sao được thêm vào vọng thành bài xích?

Sớ: “Như trong tám chứng” đến “mặc tình sinh hiểu”.

Đầu tiên chấp thọ chứng mà có năm nhân, điều mà ở đây nói là

nhân thứ nhất trong năm nhân ấy. Cho nên Đối Pháp ghi: “A-lại-da thức trước hành nhân cảm, nhân v.v... chuyển thức hiện duyên nhân phát, như nói sức tác ý của căn cảnh nên các chuyển thức sinh, đây gọi là nhân đầu”.

Luận: Thức này mặc tình sát-na duyên riêng.

Hỏi: Hằng duyên ba cảnh, sao gọi là duyên riêng?

Đáp: Cảnh của ảnh tượng luôn luôn khởi mới, trước sau chẳng phải một nên gọi là duyên riêng, đủ như trong số giải thích.

Có nghĩa chẳng phải là sở duyên trước sau dễ bỏ, nhưng chẳng phải như định chuyên chú sở duyên, nghĩa là nói riêng.

Biện rằng: Nói không đồng định chuyên chú sở duyên lý liền có thể như vậy. Nói chẳng phải dễ thoát thì đạo lý khó tưởng, lẽ nào tám sở duyên chẳng phải thuộc Hữu vi? Nếu pháp Hữu vi, pháp Hữu vi thì sinh diệt trong sát-na, tại sao không gọi là dễ thoát trước sau?

Sớ: Đại thừa cũng có tự tánh thiện, như trong bản có giải thích.

Trong luận Đối Pháp, bản luận của ngài Vô Trước, Sư Tử Giác giải thích đều nói đủ ở sau sẽ dẫn đủ.

Sớ: Cả ba đồng khởi các thiện.

Hỏi: Chuẩn theo Đối Pháp nói tùy theo thiện, nghĩa là ngay các pháp tập khí ấy. Phát khởi thiện nghĩa là chỗ khởi thân nghiệp ngữ nghiệp ấy, chuẩn theo chủng tử kia tùy theo thiện thân nghiệp nhiếp, tại sao pháp phân nó thuộc đồng khởi thiện?

Đáp: Luận khai sở hợp, mong nghĩa không đồng cũng không có lỗi.

Sớ: Thắng nghĩa Vô ký là hư không trạch diệt phi trạch diệt.

Đáp: Sao chỉ có hai tên Vô ký này ư?

Đáp: Tánh Chân như tịnh, các trạch diệt ấy đồng đoạn hoặc hiển bày, do tịch tịnh nên thuộc về Thắng nghĩa thiện, hư không trạch diệt phi trạch diệt thể không thật có, không đồng với Chân như, lại chẳng phải trí tuệ đoạn hoặc đồng được không đồng ba pháp khác, do hai nghĩa này nên thuộc Vô ký.

Hỏi: Cũng nương thức biến lập hư không, vì sao không tùy theo ba tánh thức nhiếp?

Đáp: Lại y như lập các thuyết giả không, nếu y thức biến thật thông ba tánh.

Luận: Lưu chuyển hoàn diệt nên không được thành.

Hỏi: Khổ tập hai Đế gọi là lưu chuyển, giả sử thường sinh trong cõi người cõi trời, chưa vượt qua khổ tập, nghĩa lưu chuyển việc gì

không thành?

Đáp: Nói lưu chuyển bao quát năm đường, nếu chỉ có trời người lưu chuyển không đủ nên nói không thành, chẳng phải căn cứ hoàn toàn không có gọi là không thành.

Sớ: Các vận hỏi khác cũng vậy.

Lược có hai nghĩa:

1. Khác ở đây chỉ cho thọ v.v... bốn pháp.
2. Khác là chỉ cho các hành tướng, đã không nêu bày cũng nên vận hỏi, vận hỏi suy nghĩ có thể rõ.

Sớ: Lẽ ra thọ v.v... nêu bày thành lỗi.

Biện rằng: Nay quán chất này không đồng với vận hỏi. Ý của vận hỏi trước cho rằng xúc không cùng tự xúc tương ứng, có các tương ứng khác nêu bày tương ứng môn, hành tướng tuy lại liễu biệt, nhưng cũng mỗi mỗi tự có hành tướng, cũng lại thiếu nghĩa hành tướng, sao không nêu bày hành tướng môn của tâm vương ư? Nay thì thọ tâm sở hoàn toàn không cùng thọ mà được tương ứng, nghĩa rộng hẹp có sai khác, sao được ở đây mà chất ở kia?

Hỏi: Chất này không thành, lập vận hỏi ấy để làm gì?

Đáp: Xúc v.v... tuy lại không tự tương ứng, nhưng còn bốn pháp khác cũng là pháp tương ứng của tâm vương ấy, vì thế nên được nêu bày tương ứng môn, hành tướng cùng tâm vương giao thiệp không ít, lẽ nào được cùng nêu bày!

Sớ: Liền có ba mươi sáu loại kiến tướng phần chủng v.v...

Kiến phần, tướng phần mỗi phần đều có ba mươi sáu loại, suy nghĩ có thể biết.

Sớ: Đốn sinh sáu quả.

Hỏi: Sáu xứ thọ huân, năng huân tâm vương tâm sở đều huân bản thức, bản thức hợp có ba mươi sáu loại đồng thời đốn sinh, vì sao chỉ nói sáu?

Đáp: Tuy sáu sở huân đều có sáu loại đồng xứ cộng sinh một quả, quả cho nên chỉ có sáu đốn sinh ngăn ngại.

Sớ: Không thể luận bản chất ấy sinh cùng không sinh v.v...

Không thể nói năng tâm vương sở huân mà sinh bản chất, tâm sở sở huân thì không sinh, vì sao? Tâm vương sở sáu món đều là sở huân.

Sớ: Chợt bàn luận bản chất ảnh tượng ấy.

Thức năng huân tạm có thể luận, tâm vương năng huân ấy sinh ở bản chất, tâm sở năng huân sinh ở ảnh tượng.

Sớ: Sở huân ấy không như vậy,

Không được luận vương sở sở huân ấy sinh khác đối với bản chất, ảnh tượng.

Sớ: “Nếu vậy, Tạt Tạt” đến “thọ báo trong một thời kỳ”.

Xét luận ấy ghi: Nếu nói một đời đốn thọ tất cả sở đắc dị thực cũng không có lỗi, vì sao? Nếu tạo rất nhiều nghiệp vô gián, thân hình sở cảm rất mềm mại, sở cảm khổ đủ quá nhiều lạnh lợi, do đây đốn thọ các thứ đại khổ.

Sớ: Luận Thành Nghiệp tự giải thích ngăn ngại này.

Xét luận ấy ghi: Tại sao mỗi mỗi tâm tâm sở pháp, từ hai chủng tử sai biệt tương tục mà sinh, không thấy các mầm từ chủng sinh pháp? Có việc như vậy, có thể mượn nhiều duyên sinh ở một quả, không từ hai chủng sinh có một quả sinh.

Sớ: Nay thêm đoạn xả.

Có nghĩa năm tâm sở được gọi là nhân quả không khác, tại sao nêu bày tâm có tên xả ư? Cho nên chỉ như sư thứ hai trước đã nói.

Biện rằng: Nói đoạn xả là căn cứ xả ràng buộc mà nói, tuy lại không chấp xúc v.v... làm ngã, nhưng là pháp phiền não tạp nhiễm, tâm vương xả tàng, tâm sở năng tạp nhiễm cũng lại không có, căn cứ đây nêu bày xả, nên quyển 8 luận này nói, pháp không nhiễm ô có hai nghĩa nói đoạn. Ly phược đoạn, nghĩa là đoạn duyên, tạp, phiền não ấy, Lại-da tức là đoạn duyên hoặc ấy, gọi đó là xả, xúc v.v... tức là đoạn tạp hoặc ấy, gọi đó là xả, tại sao lý không thuận mà không thừa nhận mà nói tên xả? Tên gọi Lại-da là căn cứ ràng buộc mà lập, cho nên chỉ ràng buộc không được tên xả, do tên gọi của xúc v.v... không nương ràng buộc mà lập, tên ràng buộc xả còn, thật ra không có trái.

Lại giải thích: Lại-da chưa xả các tên như xúc v.v.. là A-lại-da thức tương ứng tâm sở, tâm xả chấp tàng xúc v.v... không gọi là A-lại-da tương ứng tâm sở, căn cứ tên xả này lý cũng nên thông. Giải thích sau thù thắng hơn giải thích trước.

Luận: “Như dòng nước chảy xiết” đến “tùy dòng không xả”.

Có thuyết nói, điều này bao gồm có ba dụ, như thứ lớp so sánh, nghĩa là ái chẳng phải ái, thọ dụng, tự tánh ba loại duyên khởi. Ban đầu dụ hiển bày do Thức thứ tám, năm đường lưu chuyển; thứ hai hiển bày sinh nhĩn v.v... thức thọ dụng cảnh giới, thứ ba hiển bày tự tánh tương tục mà không đoạn tuyệt.

Sớ: Quả pháp vị lai lẽ ra không đợi nhân.

Hỏi: Quả hiện tại đợi nhân mới sinh, lẽ nào chẳng phải dụ thiếu tông sở lập ư?

Đáp: Tuy từng đợi nhân, nay đã sinh xong lại không đợi nhân. Nói đã sinh quả, ý lựa chọn ở đây.

Sớ: Tức quá khứ có nửa tác dụng.

Tâm tâm sở pháp có lấy quả dụng, sắc pháp thì không như vậy, nên gọi là nửa. Nếu vậy tác dụng là quá khứ đã có, làm sao được nhất định nói chỉ có nương hiện tại ư?

Sớ: Nó cùng quả dụng diệt lại diệt lỗi.

Hiện tại cùng quả mà do ở diệt, quá khứ đã cùng quả nên lại phải diệt, nếu không diệt là chướng quả ấy sinh, sao gọi là cùng quả? Lại cùng hiện có lỗi cùng nêu bày. Nếu thừa nhận có diệt, diệt lại diệt lỗi, nên trong Thành Nghiệp nói nên diệt lại diệt.

Sớ: Thủ dụng của quả sinh lại sinh lỗi.

Khi hiện thủ quả sinh tướng sinh rồi mới có thể thủ, quá khứ đã thủ quả lại phải đợi sinh mới có thể thủ, nếu thừa nhận như vậy sinh lại sinh lỗi, nếu không thừa nhận tức hiện thủ quả nên không đợi sinh, kia đây nhân khác không thể được.

Sớ: “Như trong luận Du-già” đến “nương chủng tử lập”.

Trong Du-già, Trung Biên như trong Nghĩa Đăng đã dẫn Đối Pháp, Hiền Dương, nay lược dẫn. Xét trong luận Đối Pháp ngài Sư Tử Giác nói: Nhân quả đã thọ dụng, nghĩa là đã sinh nên đã diệt, công dụng nhiệm tịnh đã hết, nghĩa là như hiện tham, tín v.v... khiến tâm nhiệm tịnh, công năng không có. Nhiếp nhân đã hoại, đặt tập khí rồi mới diệt. Quả và tự tướng có chẳng phải có, nghĩa là nay đã dẫn tập khí có, năng dẫn thật sự không. Tướng nhớ nghĩ phân biệt, là nói chỉ có sở duyên cảnh tướng ấy, tất cả một phần là quá khứ, trừ vị lai hiện tại và Vô vi. Nói vị lai có nhân chẳng phải đã sinh, là lựa chọn Vô vi, nó tuy chẳng phải đã sinh là vì không có nhân. Chưa được tự tướng, là tự thể chưa sinh, nhân quả chưa thọ dụng, nghĩa là chủng tử ấy chưa làm sở tác, tánh ấy chưa sinh, tất cả một phần là vị lai. Nói nhân quả hiện tại thọ dụng chưa thọ dụng, nghĩa là nhân đã diệt, quả vẫn còn. Hay hiện tướng quá khứ vị lai, là đời hiện tại là hay thi thiết tướng đời quá khứ, vì sao? Nương hiện tại giả lập quá khứ vị lai, đứng về vị sẽ được giả lập vị lai, đứng về vị từng được giả lập quá khứ. Tác dụng hiện tiền, nghĩa là nhân v.v... chánh làm thức các việc sở y, tất cả một phần là hiện tại.

Lại Hiền Dương luận quyển 9 ghi: “Nói có nghiệp quá khứ, do vì nghiệp này cho nên chúng sinh có thọ tổn hại, thọ không tổn hại”, đây cũng nương tập khí ấy, mật ý giả nói pháp ấy là có, là ở trong các hành từng có nghiệp tịnh, bất tịnh sinh diệt, do nhân này cho nên hành thắng

ấy dị tướng tục mà chuyển đây gọi là tập khí, do tướng tục này sở nhiếp tập khí nên ái không ái quả sinh. Lại nói ba đời sắc nhãn đến thức, đây cũng nương ba chủng hành tướng mật ý cho nên nói, nương nhân tướng mật ý nói nói có vị lai, nương tự tướng ấy mật ý nói có hiện tại, nương quả tướng kia mật ý nói có quá khứ.

Sớ: “Sáu mươi sáu” đến “đều nói sáu thông”.

Lại trong luận Du-già quyển 37, kinh Đại Bát-nhã quyển 9, kinh Giá-ni-càn Tử quyển 7, kinh Anh Lạc quyển 6, kinh Thanh Tịnh Tỳ-ni Phương Quảng, kinh Tịch Điều Âm Thiên Tử Vấn, Thập Địa Luận quyển 5, Tập Tập luận quyển 14, Nhiếp luận Vô Tánh quyển 9 thấy đều nói, đủ như trong chương đã dẫn.

Sớ: Trong này cũng đồng luận sư Thắng Quân v.v...

Hỏi: Thượng tọa, Thắng Quân tất cả đồng sao?

Đáp: Có đồng dị, Thắng Quân sắc tâm đồng có ba tướng. Thượng tọa thì không như vậy, nghĩa đồng có thể rõ. Có nghĩa Thượng tọa, Thắng Quân có sai khác, Thượng tọa ấy chấp tâm tâm sở pháp sinh diệt hai thời, thời hai thể một sắp diệt gọi là diệt, lý mà Thắng Quân nói nương Du-già v.v... đã diệt gọi là diệt, nếu sắc và tâm đều có ba tướng, ba tướng tuy sai biệt mà thể đồng một.

Luận: “Hiện tại” đến sinh diệt hai thời.

Hỏi: Ý ấy như thế nào?

Đáp: Do kinh chỉ nói là pháp sinh diệt nên lập hai thời.

Hỏi: Nếu vậy tại sao sắc có ba tướng?

Đáp: Sắc pháp trì độn thật có ba thời, kinh nương quyết định chỉ nói sinh diệt, do trụ tướng ấy có không bất định nên không nói.

Sớ: “Khi pháp sinh nhân thù báo” đến “hai pháp làm hai thời”.

Ảnh nêu hai pháp thời nhân quả, đối hiển một pháp hai thời nhân quả, đối hiển một pháp hai thời nhân quả, mong khiến tỏ ngộ một và hai sai biệt.

Sớ: Làm thời của quả cùng pháp trước chung cùng.

Hỏi: Khi làm nhân quả đã là trước sau, tại sao gọi là một pháp biện?

Đáp: Khi làm nhân quả tuy trước sau đều như vậy, căn cứ tự thể mà ở hiện tại sinh diệt có hai. Không mong pháp khác để phân hai thời nên gọi là một pháp.

Hỏi: Một pháp này khi làm nhân quả, là mong ở tự mình, hay đối tha ư?

Đáp: Đối tha làm, do tự sinh tha pháp đến diệt đối diệt gọi là quả,

từ trôi đến diệt, tha pháp đến sinh, đối sinh gọi là nhân.

Hỏi: Nếu vậy cùng hai pháp sau nào có khác?

Đáp: Sau đối tự tha hợp thành sinh diệt, đây chỉ có mong tự phân làm hai thời, sau nêu tự tha làm sinh diệt có hai, ẩn tự một pháp hai thời không luận, trước chỉ có nêu tự một pháp hai thời, ẩn tự tha hai sinh diệt không nói, văn nêu bày sơ lược.

Luận: Sinh diệt trái nhau lẽ nào đồng với hiện tại.

Hỏi: Nếu họ chống chế rằng: Sinh diệt chẳng phải nhân quả trái nhau không đồng đời, diệt sinh nhân quả bao gồm tương thuận, nên đồng đời chẳng?

Đáp: Nếu nói sinh diệt mà tương thuận, lại có thế gian, tự giáo trái nhau.

Sớ: Trừ Nhị thừa Kim cương v.v...

Hàng Nhị thừa Kim cương cũng không có Lại-da, thời phần giảm bớt chỉ nói vô học.

Hỏi: Vì sao không nói Tam thừa Kim cương.

Đáp: Đại thừa Địa thứ tám đã xả Lại-da, không đồng với Nhị thừa nên không nói.

Sớ: Nếu nói bốn vị tập khí không thành.

Nếu nói tập khí gọi là thô trọng. Hàng Nhị thừa vô học, Bồ-tát Địa thứ tám thấy đều có, liền không được nói tên Lại-da, bốn vị xả.

Luận: Làm sao biết như vậy.

Trong sơ giải thích ý hỏi có hai loại, có nghĩa nay không nương đây, vì sao? Trước chỉ giải thích tên A-la-hán, đã chưa giải thích xả tại sao trước hỏi, nên đây chỉ hỏi tên chung của Tam thừa vô học, lý do của A-la-hán.

Biện rằng: Trước nói La-hán mới xả rốt ráo, xa nương lời hỏi ấy làm gì có lỗi? Lại nếu không hỏi Tam thừa xả, vì sao nêu Quyết trạch phần nói nghĩa Tam thừa để đáp vặn hỏi ở trước? Nếu nói tuy nói xả tên A-lại-da, ý giải thích Tam thừa đều gọi là A-la-hán cũng không thành chống chế. Luận tự nói các bậc A-la-hán Độc giác Như Lai, lý nào có thể chứng đồng là La-hán? Lại nếu lấy bản văn Du-già cũng không thể, luận ấy chỉ nói Tam thừa vô học, không nói Tam thừa đồng gọi là La-hán. Lại bản ấy nói đoạn A-lại-da, nên biết sơ văn hạn hẹp, trước sau thâm ngộ bản chỉ.

Sớ: “Nhị thừa thì không như vậy” đến “khiến thông Nhị thừa”.

Hỏi: Nếu Như Lai gọi là không thông Nhị thừa, vì sao trong Du-già nói Như Lai gọi là cộng đức?

Đáp: Thông hết chín hiệu khác gọi là cộng đức, chẳng phải là tất cả có nghĩa tương ứng, đều gọi là Như Lai, gọi là cộng đức.

Sớ: Nếu một phần hiện hành không có v.v...

Đây là sư thứ nhất lấy ý sư thứ hai kể ở sau để nêu ra nghiên cứu, có lập lại có vặn hỏi, suy nghĩ có thể hiểu.

Sớ: Do chưa xả hoàn toàn.

Sư thứ hai đáp, do ở sau hợp có sư thứ nhất vặn hỏi, vặn hỏi rằng: Bảy pháp trước chưa xả hoàn toàn không gọi là xả, Địa thứ tám cũng chưa trừ, đây do Lại-da còn. Trong sớ không nói là do ý sư thứ nhất như vậy nên lược không nêu đủ.

Sớ: “Nếu vậy” đến “không thể xả Lại-da”.

Đây là sư thứ hai gạn hỏi.

Sớ: “Nếu vậy” đến “chưa xả Lại-da”.

Tức sư thứ nhất nêu bày chất. Hàng Sơ địa Thánh giáo gọi là bất thối, nên biết bất thối không căn cứ Lại-da xả hay không xả.

Sớ: Du-già quyển 48, sơ kiếp gọi là Ba-la-mật-đa v.v...

Xét trong quyển 48 không có, quyển 78 có, bốn và bảy lần lộn, xét văn lẫm.

Lại trong kinh Giải Thâm Mật quyển 4 cũng đồng, kinh ghi: “Thế nào là Ba-la-mật-đa? Thế nào là cận Ba-la-mật-đa? Thế nào là Đại Ba-la-mật-đa? Nay thiện nam tử! Nếu các Bồ-tát ở vô lượng thời tu hành bố thí v.v... thành tựu thiện pháp, mà các phiền não vẫn cố hiện hành, nhưng có thể chế phục những thứ chưa chế phục ấy, nghĩa là ở Giải hành địa, khi ở trong thắng giải chuyển này gọi là Ba-la-mật-đa. Lại khi ở vô lượng thời tu hành bố thí lần lần tăng thêm thành tựu pháp thiện, mà các phiền não vẫn cố hiện hành, nhưng có thể chế phục mà chẳng phải chỗ phục ấy, nghĩa là từ Sơ địa trở lên, gọi là cận Ba-la-mật-đa. Lại khi ở vô lượng thời tu hành bố thí v.v... chuyển lại tăng thêm, thành tựu pháp thiện, tất cả phiền não đều không hiện hành, nghĩa là từ Bát địa trở lên, đây gọi là Đại Ba-la-mật-đa”.

Giải thích rằng: Sơ độn Hữu lậu cách xa không có trái nhau, đời tướng tu tập do đây chỉ gọi là Ba-la-mật-đa. Kế thông Vô lậu thân cận vô tướng nên được tên cận, vị sau vô tướng mặc tình lâu dài nên gọi là đại. Hoặc nói cận là cận không có Gia hạnh. Tuy có hai giải thích, giải thích sau là thù thắng.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Trong Địa thứ bảy cũng có vô tướng mà sao nói cận vô tướng nên gọi là cận ư, nên ở giải thích sau hay hơn.

Luận: “Nhưng A-la-hán” đến “làm tự nội ngã”.

Có nghĩa giải thích tụng xả nói, trong số nói giải thích tên La-hán này chẳng phải lý.

Biện rằng: Trước tuy phá tha, nay lại nêu bày chánh lý cũng đâu có gì thiên lệch, đâu chỉ bài xích tha không nêu tự nghĩa? Lại trong văn sau mà tự nói xả, nên nay văn này đối với phá tha nêu bày nghĩa chánh, nếu không như vậy khi biện về xả có lỗi nói trùng lập.

Sớ: Trong Nhiếp luận nói: Tâm thể thứ ba v.v...

Xét Vô Tánh luận quyển 1 giải thích rằng: Tâm thể thứ ba nếu là thức A-lại-da không sai khác có thể được, nghĩa là như ý thanh nói ý nhiệm ô ý vô gián diệt, thức thanh thì nói sáu loại chuyển thức, như vậy tâm thanh là hai loại ấy không có tự thể để có được. Chẳng phải không có tự thể mà có năng thuyên, cũng chẳng phải dị môn, ý thức hai thanh sở thuyên sai khác, thể thanh trong này ý thủ sở thuyên, thế nên thành tựu A-lại-da thức v.v... Hiển bày A-lại-da thức là tâm thanh sở thuyên đạo lý quyết định.

Sớ: Đối Pháp quyển 2 cũng có nghĩa các tâm.

Xét luận ấy nói, tâm nghĩa là uẩn xứ giới tập khí sở huân tất cả chủng tánh.

Biện rằng: Xem ý luận ấy cũng do tích tập mà nói nghĩa tâm, nêu ba khoa tập khí sở huân kia, hiển bày năng tập thức ấy là tâm. Luận này cũng chỉ có nghĩa tích tập mà nói tâm, văn sau mới dùng tích tập khởi hai nghĩa để giải thích tâm.

Luận: Hoặc gọi là sở tri y v.v...

Xét trong Nhiếp luận nói, chỉ ở trong Đại thừa là đều có nói, nghĩa là A-lại-da thức gọi là thể sở tri y; y tha, biến kế, viên thành thật v.v... ba loại tự tánh gọi là tướng sở tri. Vô Tánh giải thích rằng: Những điều được biết nên gọi là sở tri, y nghĩa là sở y, thanh sở y này chọn lấy năng y tập nhiệm thanh tịnh các pháp hữu vi, không thủ Vô vi, do sở tri không có nghĩa sở y, sở y tức là A-lại-da thức là vì nhân sở y, vì thức năng dẫn.

Luận: Hoặc gọi chung tử thức.

Đối Pháp cũng nói tất cả chủng tử thức, nghĩa là năng sinh các uẩn các pháp chủng tử đã tích tập, trong Đại luận cũng đồng.

Sớ: Trước sau mà luận v.v...

Phàm phu là trước, Phật là sau.

Sớ: Trong này gọi là tàng không lấy năng tàng v.v...

Không lấy nhiệm pháp dùng làm năng tàng, ý nói không lấy Thức thứ tám làm sở tàng, nhiệm pháp làm năng tàng.

Chỉ có các nhân, là giải thích lý do. Văn này trước do chấp tàng năng tàng hai nghĩa giải thích tàng.

Sớ: Là Vô lậu Niết-bàn, trong số ghi chữ “như”, nên nói như Niết-bàn v.v...

Luận: Như Lai vô cấu thức v.v...

Có nghĩa nay ý tụng chứng Thức thứ tám ở Như Lai địa gọi là Vô cấu thức.

Biện rằng: Chứng vô cấu thức gọi đó là sở tàng, thông số hợp thành ba giải thích, hơn kém nên suy nghĩ.

Sớ: A-lại-da làm tánh.

Xét luận ấy nói như vậy sở tri y nói A-lại-da thức làm tánh, A-đà-na thức làm tánh, tâm làm tánh, A-lại-da làm tánh, căn bản thức làm tánh, cùng sinh tử uẩn làm tánh.

Giải thích rằng: Luận ấy rộng nói A-lại-da thức cùng sinh tử uẩn sáu loại gọi đó là thể sở tri y, nên mỗi mỗi đều nói là tánh, ý số lập lại tên của ba pháp sau dùng làm lời hỏi, các văn khác đồng có, do ba tên ở trên trước đã nêu xong, không hạn cuộc ở lời hỏi.

Sớ: Một là chủng sinh hiện đồng thời v.v...

Các loại nhiễm khác, Vô gián đạo phát khởi nó đã xả rồi, Thức thứ tám chủng hiện với tâm Kim cương đồng thời, dị thực Vô ký dung chứa đồng thời cũng không có lỗi.

Sớ: Bồ-đề đứng về thành tựu v.v...

Ý ngăn người ngoài vặn hỏi. Ý người ngoài vặn hỏi, nếu Vô gián đạo xả dị thực thức, thì lúc này sao không gọi là Phật? Nên đứng về thành tựu để giải thích mỗi nghi ấy, lúc ấy mới được chữ chưa thành viên mãn nên không gọi là Phật.

Sớ: Khi chủng sinh hiện khác nhau, đồng với sư thứ nhất ở trước.

Hỏi: Sư thứ nhất chủng hiện mà được cùng thời, nay ở đây thì không như vậy đâu được đồng với sư thứ nhất?

Đáp: Lấy Vô gián đạo có Dị thực thức chút phần không đồng, không nói chủng hiện đồng thời gọi là đồng, nếu chủng hiện đồng thời tức không được nói chủng hiện dị thời.

Sớ: “Chẳng phải Vô sắc giới” đến “duyên tất cả”.

Không thể duyên đủ sắc tâm tâm sở và địa dưới v.v... điều này không tận lý. Thánh giáo có nói, Vô sắc giới tâm liễu tất cả, nên thứ hai nói không thể niệm niệm biến duyên tất cả, giải thích này là thù thắng.

Sớ: Ất không hiện khởi, như ba loại trí sở hữu khác.

Đây do Hữu tông lấy các trí làm dụ. Ba loại trí, nghĩa là khổ tập diệt ba loại đế trí, khởi loại trí này hiện quán hậu biên mà có thể gồm tu Hữu lậu biết khổ, đoạn tập, chứng diệt sở hữu tục trí, tức tục trí này nhân ba loại trí hiện quán hậu biên mà tu tập nên gọi là hiện quán. Thế nên trong Câu-xá luận quyển 26 ghi: Chỉ có khổ tập diệt ba loại trí thì có thể gồm tu hiện quán biên tục trí vị lai. Ở trong mỗi mỗi đế hiện quán hậu biên mới có thể gồm tu nên lập tên gọi này.

Hỏi: Khi Đạo loại trí vì sao không gồm tu trí?

Đáp: Do thế tục vô thỉ đến nay thường từng biết khổ, đoạn tập, chứng diệt, ba loại cũng vậy, sự nghiệp đồng cho nên gồm tu. Lại khổ v.v... ba biến tri đoạn chứng, nên được gồm tu, đạo trí thì không như vậy. Đạo trí hiện quán mà chỉ có Vô lậu, vô thỉ chưa khởi, lại chưa biến tu, nên trừ đạo trí. Trong Câu-xá nói, từng ở đạo vô sự hiện quán, lại ắt không ở đạo biến sự hiện quán, nghĩa là đối với khổ tập diệt có thể biến tri đoạn chứng.

Hỏi: Tu đạo phiền não và chỗ hiển diệt cũng chưa đoạn chứng, tại sao được nói biến tri đoạn, chứng?

Đáp: Ngay tự đế ở sau các trí đều biến, trong Câu-xá nói tuy tập diệt biên chưa biến đoạn chứng mà ở đương vị đoạn chứng đã khắp.

Hỏi: Đạo vì sao không như vậy?

Đáp: Do đạo không có biến sự quán này, lại tu bất biến, như sáu loại tánh khi nhập kiến đạo, tu ngay tự tánh không thể tu khắp. Trong Câu-xá nói, đạo thì không như vậy, vì chủng tánh nhiều.

Hỏi: Chỗ tu tục trí sau khởi chăng?

Đáp: Chuẩn theo Hữu tông nghĩa rất ráo không khởi, chánh lập kiến đạo, không dung chứa mà khởi, được hơn xả kém, sau cũng không khởi. Trong Câu-xá nói, Thế tục trí này là pháp bất sinh, ở tất cả thời không dung chứa khởi.

Hỏi: Trí sở tu này trở về trước khởi chăng? Nếu nói khởi thì tại sao luận nói gồm tu vị lai quán hiện tục trí? Nếu chưa từng khởi tại sao lại cùng với ba loại trí biết đoạn chứng nên gồm tu ư?

Đáp: Chưa từng khởi, căn cứ đồng loại ấy trở về trước khởi gọi là đồng.

Hỏi: Nó từng khởi lúc này tu chăng?

Đáp: Căn cứ thật cũng tu do chăng phải mong kỳ lạ nên luận không nói, như trong Câu-xá phân biệt rộng.

Sớ: “Đây hiển bày nương ban đầu” đến “thông các vị”.

Đây tức vị đoạn và thường. Nói kia là đến chuyển y vị và tên gọi

Thức thứ tám.

Sớ: Đây là cùng thừa nhận năm thủ uẩn ngoài không có tự thể riêng.

Chỉ tâm sở, sắc, bất tương ưng kia, tức là hai nhà cùng thừa nhận thuộc về năm uẩn.

Sớ: Đây là thức uẩn vì không cùng thừa nhận

Đây tức Thức thứ tám này, ngoài cùng thừa nhận uẩn riêng có thể gọi đó là là, chẳng phải tha thừa nhận gọi là bất cộng.

Luận: Giới là các nghĩa như nhân v.v...

Có thuyết nói giới có ba nghĩa: Một là nhân, hai là tánh, ba là chủng. Nay nương nghĩa nhân để giải thích giới. Sở chỉ lấy chủng, nay lấy hiện hành cùng thể sở trí chủng không khác. Nói hiện thân sinh gọi đó là nhân, hiện thức cũng gọi chủng tử thức, nhân tướng chỉ có lấy thức hiện hành, nên ở sau nương dụng chỉ nói hiện y, không nói chủng.

Biện rằng: Giới nếu hiện thức tức y không khác, luận chủ vì sao riêng giải thích có hai ư? Giới thì nói thân sinh, nói các pháp vì sao không nói y? Xét nói thân là nghĩa nhân duyên, Thức thứ tám hiện hành tại sao khéo làm nhân duyên mà không thể năng huân? Lại hiện cùng chủng tuy không gọi là dị, cũng không được là một, một đã không thành, lấy chủng nào có lỗi gì? Lại nhân tướng trước cũng chẳng phải chỉ có hiện, lại nghĩa không đồng, không thể làm chủng, đã có nhiều lỗi, nay lại y số.

Sớ: Đây đã tùy theo một.

Nếu trước thành Mạt-na dùng nhân chuyển thức, trong nhân lại có sở y tùy theo một và hai không thành lỗi, hoặc chữ “sở” là viết nhầm, lẽ ra phải là chữ “nhân”. Giải thích trước là chính, do Mạt-na thức họ không thừa nhận, nên có hai lỗi.

Sớ: “Hoặc nếu không như vậy” đến “có lỗi bất định”.

Biện rằng: Đây chính là phòng kỹ sai lầm nhân minh, sợ thấy nhân trước có thức nên liền cho là bất định. Lại lý chân thật, Thức thứ tám có nương nhân này mà lập, lý thật nhân trước không có lỗi bất định, trong nhân nói thuộc chuyển thức.

Sớ: Đây giải thích cùng với trước có sai khác.

Đây giải thích chỉ có quả báo trong năm đường gọi đó là nẻo, trước sau đều thông hoặc nghiệp khổ v.v... đều gọi là nẻo.

Luận: Thuận pháp hoàn diệt.

Hỏi: Vì sao Đạo đế gọi đó là hoàn?

Đáp: Hoàn là thú hưởng, do đạo mà thú hưởng đến chỗ chứng

Niết-bàn nên gọi là hoàn, hoặc xả mong về chân là nghĩa hoàn, cũng còn có nghĩa phản phát hoàn thuần.

Luận: Trong này chỉ nói năng chứng đắc đạo.

Đồng với Vô Tánh luận, quyển 1 luận ấy ghi: “Sở tri y là lựa chọn lấy năng y tạp nhiễm thanh tịnh các pháp Hữu vi, không lấy Vô vi, do Vô vi Hữu vi ấy là nghĩa sở y”.

Giải thích rằng: Pháp Hữu vi đều y thức sinh nên gọi là y. Niết-bàn Vô vi chẳng phải thức sinh nên gọi là vô y.

Luận: Hoặc đây chỉ nói sở chứng Niết-bàn v.v...

Đồng với Nhiếp luận của Thế Thân, quyển 1 luận ấy ghi: Cũng do đây nên chứng đắc Niết-bàn. Vô Tánh cũng nói sinh v.v... tạp nhiễm rất ráo ngừng dứt gọi là Niết-bàn, nếu lia A-lại-da không nên chứng đắc.

Giải thích rằng: Niết-bàn tuy không y thức này sinh nhưng do thức này trì hoặc, đạo chủng. Đạo sinh đoạn hoặc chứng đắc Niết-bàn, triển chuyển nói cũng y ở thức mới có thể chứng đắc.

Sớ: Hoặc cùng nghĩa hiện hành giới tánh nhân.

Giải thích lại câu đầu, ban đầu đồng với thứ hai gọi là câu hiện hành, nói giới tánh v.v... là giải thích lý do.

Sớ: Lại trong Đại thừa có khổ chẳng phải tập v.v...

Đây là pháp dị thực, nhân thù báo là khổ, chẳng phải huân chẳng phải tập, nếu y Hữu tông khổ tập là một vật, nhân quả nên nói hai.

Sớ: Đây do khổ tập khởi v.v...

Đây nói biến kế, khổ tập nghĩa là các nẻo, từ sở biến kế mà có tên các nẻo.

Sớ: Bốn pháp thanh tịnh là thành thật tánh.

Như trong Pháp Uyển, Quyết Trạch giải thích.

Sớ: Không chỉ có năng tàng để giải thích Lại-da v.v...

Chánh dùng chấp tàng để nói rõ Lại-da, nếu dùng năng tàng làm Lại-da, thì Địa thứ tám cũng có nghĩa năng tàng, làm sao được nói tên Lại-da? Nói Địa thứ tám v.v... đồng các vô học, Như Lai cũng có nghĩa năng tàng.

Sớ: “Hoặc làm chủng y” đến “gọi là chấp thủ”.

Hỏi: So với trước có gì khác nhau?

Đáp: Trong này cùng với trước đồng, ban đầu và sau có khác, suy nghĩ có thể biết.

Luận: Trong kinh Giải Thâm Mật.

Hỏi: Kinh này đến nay trải qua bốn lần dịch, bản dịch đời Ngụy gọi là Tương Tục Giải Thoát, hai bản đời Lương đời Tùy tên là Giải

Tiết kinh, nay bản đời Đường dịch lấy tên là Giải Thâm Mật, tại sao không đồng?

Đáp: Kinh này, Phạm bản là San-địa Niết-mộ-chiết-na, Niết-mộ-chiết-na, Hán dịch là Giải. San-địa bao gồm có ba nghĩa:

1. Các vật tương tục.
2. Đốt xương liền nhau.
3. Nghĩa của Thâm Mật.

Phong tục phương Tây gọi ba loại này tên là San-địa, cũng như tiếng Tát-đạt-ma bao gồm ở hai nghĩa, Tiên-đà-bà gồm bốn tên, người dịch trước sau đều lấy một nghĩa để lập đề kinh, đều không trái nhau, nhưng căn cứ ý chỉ của kinh, tên gọi Giải Thâm Mật là lý là tối ưu.

Luận: Cũng năng chấp thủ kết sinh tương tục.

Hỏi: Tại sao chấp thủ? Lúc nào kết sinh? Kết sinh nghĩa gì?

Đáp: Thủ có ba nghĩa:

1. Thủ nghĩa là nhân, tức ngay nhân sinh quả năm uẩn, nay do Thức thứ tám trì ngay quả nhân mới có kết sinh ngay quả tương tục, nên nói Thức thứ tám gọi là chấp thủ, kết sinh tương tục tức thủ chấp gọi là chấp thủ.

2. Do vì chủng tử hiện hành, Thức thứ tám thọ một thời kỳ sinh gọi là chấp thủ, cho nên Nhiếp luận quyển 1 của Thế Thân ghi: Do trong A-lại-da thức một thời kỳ tự thể huân tập vị nên thể ấy khởi gọi là nó sinh, thọ sinh ấy nên gọi là nó sinh.

3. Thủ nghĩa là năng thủ, do nay Thức thứ tám hiện hành chấp nó đương sinh nhân quả, nên có kết sinh ngay nghĩa tương tục, chấp tức là thủ gọi là chấp thủ, nên trong Nhiếp luận ghi: “Lại đối tương tục, ngay khi kết sinh thủ sinh ấy nên chấp thọ tự thể, thế nên thức này gọi là A-đà-na”. Thế Thân giải thích như thứ hai dẫn. Kinh là một đoạn văn nhưng nghĩa thông cả hai, thứ hai thứ ba giải thích chung dùng làm chứng, ý chứng nên rõ.

Nói lúc kết sinh có bốn giải thích:

1. Kết sinh là nhuận sinh, nếu sinh cõi Vô sắc khi mạng chung gọi là kết sinh, nếu sinh trong cõi Dục giới sắc giới, mặt tâm của Trung hữu gọi là kết sinh, nên trong Nhiếp luận nói: Nương vị Trung hữu khởi nhiệm ý thức kết sinh tương tục. Lại nói, tâm chết của Trung hữu gọi là kết sinh tâm.

2. Ngay khi thọ sinh gọi là kết sinh, cho nên trong Du-già quyển 1 ghi: Ở trong lúc này nói thức đã trụ kết sinh tương tục, tức đây gọi là Yết-la-lam vị.

3. Hợp hai nghĩa trước gọi là kết sinh, thiếu một không được.

4. Tức tâm mạng chung và mạng tâm của Trung hữu đều gọi là kết sinh, đều có thể nhuận sinh, tâm Trung hữu như trong Nhiếp luận đã nói. Lại trong luận Du-già quyển 66 nói, nếu kết sinh tương tục tâm vô gián cũng là dị thực.

Giải thích rằng: Tâm kết sinh tức tâm trung hữu, tâm vô gián tức là sinh hữu, tâm sinh hữu chỉ là dị thực, tâm mạng chung như Đối Pháp quyển 5 nói, nghĩa là từ Dục giới sinh trở lại Dục giới, tức do tự thể Dục giới ái tương ưng tâm mạng chung kết sinh tương tục, các cõi khác chuẩn theo đây mà biết.

Hỏi: Chuẩn theo luận Du-già quyển 66 nói khi sắp mạng chung, tâm niệm sau cùng là pháp dị thực, vì sao Đối Pháp gọi là ái tương tục?

Đáp: Đã nói sau cùng là pháp dị thực, không chướng ban đầu chẳng giữa mà được ái đồng thời, ý của hai luận sai khác nên không trái nhau. Lại khởi ái nên hay kết sinh. Mạng chung, Trung hữu đều có khả năng khởi ái, nên lấy hai vị cũng không có lỗi. Tuy có bốn giải thích, giải thích ban đầu và sau là thù thắng, hai giải thích giữa lý trái. Ý nhiệm kết sinh, ngay khi thọ sinh Yết-la-lam vị không có ý nhiệm. Du-già quyển 1 nương đã kết sinh nên làm thuyết này, chẳng phải ngay khi kết sinh nên không có lỗi, tức Du-già luận quyển 59 nói, lại khi sắp thọ sinh ở trên tự thể tham ái hiện hành, người nam người nữ hoặc ái hoặc sân cũng xen hiện hành, do nhân duyên này nên biết tất cả phiền não đều được kết sinh tương tục.

Nói sắp thọ sinh và khởi các ái là chẳng phải sinh Hữu vi kết sinh vị. Nghĩa kết sinh là do nhân thủ quả, như hoa kết hạt gọi là kết sinh, nên Nhiếp luận Vô Tánh quyển 3 nói, nhiếp thọ sinh nên gọi là kết sinh, hậu báo tiếp theo ở trước khiến sinh không đoạn, như con nối nghiệp cha nên gọi là tương tục, tức luận ấy nói liên tục trì sinh nên gọi là tương tục.

Luận: Đây đồng các kinh Vô Lượng Đại thừa.

Trong các kinh khác gọi là Lại-da, như luận Hiển Dương dẫn kinh nói: Làm sao biết có thức này? như Bạt-già-phạm nói: “Vô minh che lấp, ái kết ràng buộc ngu phu chiêu cảm thân hữu thức”. Ý này nói có dị thực A-lại-da thức.

Giải thích rằng: Kinh đã nói phát nghiệp, nhuận sinh hai loại phiền não mà cảm được thức, nói thức sở cảm quyết định chỉ có A-lại-da chân dị thực. Lại nói, như năm chủng tử, đây gọi là có thủ thức, ý này hiển

bày có tất cả chủng tử A-lại-da thức. Xét trong kinh Niết-bàn có năm chủng tử: Một là rễ, hai là cành, ba là trái, bốn là đốt, năm là hạt. Lấy năm pháp bên ngoài so sánh chủng tử bên trong nên nói “như”. Năm chủng tử bên trong, nghĩa là thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ. Lại có năm đạo chủng, chủng này đều nương A-lại-da làm thủ v.v... thấm nhuần, hay có đương quả, cho nên nói có thức thủ.

Sớ: Bốn nhân trước làm tông.

Hỏi: Thuận vô ngã v.v... đã có tám câu mà làm tám tông, rốt cuộc có lỗi gì? Hợp thành bốn ư?

Đáp: Vô ngã ngã v.v... đối đãi nhau mà lập, nên hợp làm bốn.

Biện rằng: Lý thật vô ngã, ngã v.v... nghĩa khác nhau, mỗi câu làm tông lẽ ra cũng không lỗi, làm tông đã có tám, làm nhân cũng vậy, tông nhân đều có hai và ba hợp đồng, tỷ lượng ấy thường làm tông biệt tông có ba mươi sáu, làm nhân biệt tông có bốn mươi lăm, tổng cộng có tám mươi một lượng, nếu đứng về siêu vượt chặng giữa, một và hai đồng làm lượng mới nhiều, nghĩa chuẩn theo nên biết, sợ dài dòng nên không chép đủ.

Sớ: “Lại trong Phát Trí luận” đến “chẳng phải như ghét một v.v...”.

Nhưng chẳng phải Phật nói mà có nhiều nghĩa. Một là ngoại đạo các giáo gọi là chẳng phải Phật nói, Tam tạng nội giáo đều gọi là Phật nói, luận Đại thừa Tiểu thừa tuy chẳng phải Phật nói, mà do các bậc Thánh sau này kết tập lời Phật mà thành, nên gọi là Phật nói. Hai là đích thân Phật nói gọi là Phật nói, luận Đại thừa Tiểu thừa tuy kết tập lời Phật, nhưng chẳng phải Phật nói, nên đều chẳng phải Phật nói.

Nếu chuẩn theo nghĩa trước, Phật nói làm tông, luận Đại thừa Tiểu thừa đều làm dị phẩm, nhân họ chuyển nên thành bất định. Nếu nói Phật nói tức là Phật nói không có bất định, lý cũng không có đúng, chẳng phải luận Đại thừa Tiểu thừa đều là Như Lai ở đời đích thân diễn nói, đích thân ấn chứng, dù kết tập ít lời mà Như Lai ngày xưa nói, nhưng nay làm huyền luận, chẳng phải Phật đích thân nói, gọi là phi Phật thuyết, cuối cùng thành dị phẩm, vì sao chẳng phải bất định?

Lại giả sử người lập thừa nhận đều Phật nói, hàng Tiểu thừa chống lại như Phát Trí luận một phần không thừa nhận, nay đối với tha dị du nhân chuyển sao không có lỗi ư? Nương nghĩa sau nhân ở dị phẩm một phần chuyển, do Phát Trí luận, Bà-sa hai thuyết cho rằng Phát Trí là Phật nói và một thuyết cho rằng không phải, là do Ca-tha-diên-ni tử tạo. Đối với sư trước nhân ở thức chuyển nên cũng bất định, trong số

nướng nghĩa sau.

Hỏi: Tiểu thừa có người nói kinh Đại thừa là do những người hoại chánh pháp nói ra, so với đây tức là thuộc về chẳng phải Phật nói, nhân nói không nhiếp lẽ nào chẳng phải tùy theo một?

Đáp: Nói ý của hai cực thành lựa chọn tùy theo một, người chống đối tuy nói Đại thừa chẳng phải Phật nói, người lập không thừa nhận nên không được nói cả hai đều cực thành chẳng phải Phật nói, người chống đối cũng thừa nhận cả hai đều cực thành, chẳng phải trong Phật nói không nhiếp Đại thừa, người lập đã thừa nhận sao thành tùy theo một? Nghĩa này nên suy nghĩ kỹ.

Hỏi: Nói cả hai đều đối lập và chống đối nói, ngoại đạo chẳng phải chống đối nói, sao được nói Đại thừa ngoại đạo là cả hai?

Đáp: Các ngoại đạo nói các Tiểu thừa, tuy nêu ngoại đạo ý lấy một phần sở đặng Tiểu thừa gọi là cả hai, do ngoại đạo ấy lập các luận này, nhân đó mà nói như vậy.

Sớ: Nhân phạm cả hai bất thành v.v...

Nhân, tông đều phạm lỗi một phần, trong nhân cũng phạm một phần cả hai sở y bất thành, nhân không có khắp, trong tông ấy và Phát Trí cả hai gọi là đồng nên trong số không khai.

Hỏi: Sở y không thành, hữu pháp ắt không có, Phát Trí đã có, sao thành lỗi này?

Đáp: Một phần Phát Trí không thừa nhận Đại thừa là Phật nói, làm sao có sở y? Cho nên thành một y phần sở y bất thành, nhưng cả hai không có lỗi sở y, lý như trước đã biện.

Sớ: Mỗi một niệm uẩn gọi là pháp sát-na sinh diệt.

Hỏi: Pháp Hữu vi đều diệt trong sát-na, hai uẩn sau cần gì lập riêng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Tùy theo hai uẩn sau diệt trong sát-na, trước căn cứ theo tương tục, đứng về nghĩa mà chia ra cho nên có ba uẩn.

2. Phương tiện phát khởi thiện ác sắc tâm, do trong ba tánh nên gọi là một niệm.

Biện rằng: Giải thích trước là thù thắng, lẽ nào trong ba tánh chỉ có một niệm ư?

Sớ: Hai là một thời kỳ sinh uẩn.

Chỉ căn cứ dị thực một thời kỳ phần hạn tương tục nói, hoặc đồng Chánh lượng thời gian dài bốn tướng, như mạng căn v.v... ban đầu sinh gọi là sinh, sau cùng chết gọi là diệt, trung gian lại không có tướng sinh

diệt.

Sớ: Ba là cùng sinh tử uẩn.

Đến Kim cương định, đoạn phiến não hết, sinh tử hằng dứt gọi là cùng sinh tử.

Hỏi: Vì sao luận đời Lương nói “đến Vô dư” gọi là cùng sinh tử?

Đáp: Hoặc tận lý chứng đều cùng sinh tử. Hai luận cùng nói nên không có lỗi, hoặc nhân quả sinh tử đều gọi là sinh tử, nhân Kim cương cùng, quả Vô dư hết, đây cũng có hai luận cùng nói.

Luận: Nghĩa là A-lại-da là tổng biệt của tham.

Nhiếp luận và Luận thích đủ như trong sớ dẫn. Lại xét trong kinh Đại Bát-nhã quyển 47 nói các pháp ái lạc, kinh ấy tuy lại không nói Lại-da mà lấy nó để giải thích các tên ái lạc kia, nhưng giải thích đối với ái này, A-lại-da lẽ ra cũng không có lỗi, nên kinh ấy ghi: Nói pháp ái nghĩa là pháp này khởi ham muốn mong cầu. Nói pháp lạc nghĩa là công đức xứng tán đối với pháp này. Nói ưa thích pháp, nghĩa là đối với pháp này, hoan hỷ tin thọ. Nói hỷ pháp, nghĩa là đối với pháp này trông mong tu tập nhiều. Lại xét trong Du-già quyển 92 ghi: “Đối với cảnh ba đời sinh ái lạc v.v...”, cũng có thể lấy đồng loại ấy để giải thích, cho nên luận ấy ghi: Nghĩa là đối với trời người trụ cảnh giới ái nường đời hiện tại, trụ cảnh giới lạc nường đời quá khứ, trụ cảnh giới ưa thích đời hiện tại nường cảnh quá khứ sinh ái lạc, trụ cảnh giới hỷ ở đời vị lai nường cảnh hiện tại sinh ái lạc, nếu ở trong cảnh ba đời như vậy trụ ở nhiễm ô, phải biết đó gọi là xứng tán ham muốn, có khổ thiếu hụt”. Theo luận Du-già giải các ái lạc, giải thích bốn A-lại-da cũng có hành tướng của một nhà, gồm chánh hợp nói tổng thành bốn giải thích.

Hỏi: Nói A-lại-da là nghĩa chấp tàng, vì Thức thứ bảy chấp gọi là Lại-da? Nhiếp luận đứng về ba đời để giải thích, tức chỉ có Thức thứ sáu, lẽ nào trái ngược?

Đáp: Có ba giải thích:

1. Tên gọi A-lại-da chỉ nường ngã ái Thức thứ bảy mà được, luận chỉ có nường Thức thứ sáu giải thích là đối với tha tông.

2. Thông ngã ái Thức thứ sáu, thứ bảy mà có tên, ngã ái chấp tàng không lựa chọn sai khác, dù có chỗ nói chỉ nường Thức thứ bảy, nên biết nường tương tục ấy mà nói, trong Địa thứ tư không bỏ tên ấy, phải đến Địa thứ tám mới xả, y chỗ cứu cánh cùng tận ấy mà nói. Nhưng hai luận ấy y đối tha mà giải thích.

3. Được tên như sư thứ hai trước đã nói. Trong hai luận, thông nường Thức thứ sáu thứ bảy. Và lại Vô Tánh giải thích ái A-lại-da

không nói về ba đời, do tổng nói tức thông Thức thứ bảy. Giải thích sau của Thế Thân giải thích tên ái ấy cũng thông Thức thứ bảy, duyên hiện tượng thức làm ngã, đối với lý không trái.

Luận: Là sinh một khổ ái xứ.

Hỏi: Nếu Hữu tông nói ái chấp căn cứ nẻo thiện mà nói, nói khổ thọ không ái chấp bèn có lỗi tương phù chăng?

Đáp: Trong kinh ấy ghi: Chúng sinh thế gian ái A-lại-da v.v... lẽ nào chỗ khổ ấy chẳng phải thế gian sao? Đã là thế gian sao không có các pháp sở chấp, cho nên khổ xứ tức ngã A-lại-da làm chỗ chân chấp.

Sớ: Trong Nhiếp luận không nói các trừ chấp.

Do Hữu tông ấy nói các Thánh đều là vô ngã kiến không chỉ có vô học, là đối với tông ấy, nên không riêng trừ người vô học, tức Vô Tánh luận quyển 2 ghi: Tuy đối với chánh pháp tín giải vô ngã nhằm chán nghịch ngã kiến, nhưng tánh hằng ấy đối với A-lại-da thức ngã ái tùy chuyển.

Sớ: Thức thọ tướng uẩn hoàn toàn v.v...

Trong hành uẩn không tương ứng chẳng phải các tâm sở, chẳng phải sở v.v... nên nói ít phần.

Hỏi: Nói chuyển thức rõ ràng lựa chọn Lại-da, tại sao được nói thức uẩn hoàn toàn ư? Nếu có Lại-da thức uẩn tại sao không phải chấp chỗ?

Đáp: Nêu thức uẩn cực thành ấy để nói.

Sớ: Ở trên tổng lấy trong uẩn sai biệt lạc thọ thân kiến ba pháp v.v...

Tổng chỉ văn trước, đối Nhiếp luận ấy biện ít nhiều. Tổng biện hợp nói có ba loại, tức luận trên nói không nên chấp năm thủ uẩn gọi là tổng thủ uẩn, năm dục trở xuống ở trong tổng uẩn nhưng riêng là khỏi gọi là trong biệt.

Sớ: Ở sau riêng ngăn năm pháp v.v...

Nay nói các thức, các sở tâm sở cùng lạc thọ và thân kiến ở trước có rộng hẹp. Suy nghĩ có thể rõ.

Sớ: Nhưng ở đây tổng nêu bày các bộ v.v...

Đủ như trong Nghĩa Đăng có biện rõ, nên không nói lại.

Sớ: “Lại tâm tương tục” đến “lưu chuyển không dứt”.

Xét Đối Pháp luận quyển 2 ghi: Lại tâm tương tục, thời gian dài gián đoạn trải qua lưu chuyển lâu không dừng, thế nên chuyển thức năng trì chủng tử không đúng đạo lý. Nay trong sớ nói không đúng với văn kinh, hai chữ “không đúng” là văn viết nhầm.

Hoặc là sơ chủ lấy ý luận ấy, thêm vào hai chữ “không đúng” để nói văn kinh. Văn giải thích luận ấy ghi: Tâm tương tục là tạng thức, thời gian dài gián đoạn tức diệt định v.v..., lưu chuyển không dừng tức chủng tử. Lại xét trong luận Du-già quyển 51 ghi: “Lại các thức ấy thời gian dài gián đoạn, không nên tương tục, thời gian dài lưu chuyển”.

Sớ: Nhiếp luận Vô Tánh quyển 2 giải thích v.v...

Xét luận ấy ghi: Lại các chuyển thức quyết định chẳng phải sở huân, do sáu thức ấy không quyết định tương ứng, vì sao? Vì lấy ba sai biệt cùng trái nhau. Nếu sáu chuyển thức quyết định đồng thời có, không lẽ sở y sở duyên, tác ý ba loại đều sai khác? Do mỗi mỗi sai biệt nên sáu món chuyển thức không nhất định câu sinh, không câu sinh nên không quyết định tương ứng, không tương ứng vì sao có nghĩa sở huân năng huân?

Sớ: “Trong đây nói” đến “hỗ tương trái nhau”.

Trong này luận nói căn cứ tác ý tức là Nhiếp luận do ba sai biệt hỗ tương trái nhau, lời khác mà ý đồng, trong sơ nói cùng huân nhau, chữ “trái” mới đúng.

Sớ: Nhiếp luận chỉ có một nhân trong đây.

Nhân luận này có bốn, trong Nhiếp luận chỉ có căn cảnh tác ý nhân sai biệt.

Hỏi: Xét ý luận ấy, do không tương ứng mà làm nghĩa nhân, lẽ nào không trái nhau sao?

Đáp: Không tương ứng là chánh nhân đó, căn cảnh đồng biệt là nhân của thành nhân, ngay chánh nhân này căn cứ nhân của thành nhân cũng không có lỗi.

Sớ: “Giải thích trước” đến “đồng thời thọ huân”.

Trước nêu rằng, đây phá Kinh bộ, giả sử thừa nhận sáu thức đồng thời, đến khiến không được hỗ tương huân nhau, tổng giải thích trước, đồng với Nhiếp luận, trong đó dẫn Nhiếp luận làm chứng, vặn hỏi sáu thức ấy, không hỗ tương huân nhau.

Sớ: Nay giải chỉ ngăn thể của sáu thức, chẳng phải thọ huân v.v...

Tức trước nói hoặc như tha tự thân v.v... trở xuống vậy, chỉ có nương luận này không lấy Nhiếp luận, nên trong sơ kết rằng, không đồng Vô Tánh.

Sớ: Không khởi kiến giải này tự làm bất định.

Hỏi: Tám thức ba sai biệt, thể của Thức thứ tám lẽ ra chẳng phải thọ huân, lẽ nào chẳng phải lỗi ư?

Đáp: Do có lỗi này nên ở sau số nói, lại Thứ thứ sáu và thứ tám chẳng phải thuận khác, ý lựa chọn lỗi trước. Nếu chuẩn theo lựa chọn này, cũng bèn ngăn hồ tương huân ấy, lượng có lỗi bất định. Do hai giải thích này lý đều thông, nên trong số không phán phân hai cách giải hơn kém.

Đáp: Tám thức làm sao hồ tương huân nhau?

Đáp: Năng sở giúp nhau gọi đó là hồ, chẳng phải làm năng huân sở huân, gọi là hồ.

Luận: Các loại thiện sai biệt dễ thoát khỏi.

Xét trong luận Du-già quyển 51 ghi: “Nếu không có A-lại-da thức có tánh chủng tử, không hợp đạo lý”, nghĩa là sáu thức thân triển chuyển khác, vì sao? Từ thiện vô gián bất thiện tánh sinh, từ hai vô gián Vô ký tánh sinh, liệt giới vô gián giới sinh, trung giới vô gián diệu giới sinh, diệu giới vô gián nhãn đến liệt giới sinh, Hữu lậu vô gián Vô lậu sinh, Vô lậu vô gián Hữu lậu sinh, thế gian xuất thế gian sinh, xuất thế vô gián thế gian sinh chẳng phải tương như vậy, có tánh chủng tử đúng chánh đạo lý.

Giải thích rằng: Ba tánh, ba giới mỗi mỗi làm đầu đối hai pháp khác, hai pháp có nghĩa vô gián. Trong luận chỉ bày pháp làm không đủ, suy nghĩ có thể biết.

Hỏi: Hữu lậu thế gian, Vô lậu xuất thế, rốt cuộc có gì sai khác mà phân làm hai đối?

Đáp: Nghĩa thế gian rộng, nghĩa Hữu lậu hẹp, Vô lậu hậu trí Thánh giáo cũng gọi là trí thế gian, Vô lậu cũng rộng, nghĩa xuất thế hẹp, Vô lậu thông ở Căn bản và Hậu đắc trí, xuất thế phần nhiều thuộc Căn bản, rộng hẹp đã khác cho nên phân làm hai.

Luận: Vì không trụ chắc.

Hỏi: Không trụ chắc này cùng với trước gián đoạn dễ đối các nhân có gì sai khác.

Đáp: Không bền chắc tổng mong nghĩa không có tương tục, gián đoạn dễ đối riêng đứng về năm vị ba tánh v.v... để nói. Do đối với nhân bền trụ của Thứ thứ tám nên nói riêng.

Luận: “Sắc không tương ưng” đến “lẽ nào là năng trì chủng”.

Nếu Tùy chuyển lý thì thừa nhận sắc trì chủng, nếu chân thật lý thì kiến lập Lại-da rồi, tức chỉ có Thứ thứ tám năng trì chủng, nên trong luận Du-già quyển 51 ghi: “Thế nào là nhân duyên? Nghĩa là các sắc căn, căn y và thức, hai pháp này lược nói năng trì, tất cả các pháp chủng tử tùy theo sắc căn, có các sắc căn chủng tử và các sắc pháp chủng tử,

tất cả tâm tâm pháp v.v... làm chủng tử, nếu tùy theo thức có tất cả thức chủng tử, và Vô sắc pháp chủng tử khác, các sắc căn tu, nhưng sắc pháp chủng tử khác, nên biết những sắc pháp tự tánh chỉ có tự chủng tử đã tùy theo, trừ đại chủng sắc, do đại chủng sắc hai loại chủng tử đã tùy theo, nghĩa là đại chủng chủng tử và tạo sắc chủng tử”. Tức sở lập này tùy theo sai biệt chủng tử tương tục, tùy theo sở ứng kia mong chỗ thuyết pháp này gọi là nhân duyên. Nếu các sắc căn và tự đại chủng, chẳng phải tâm tâm pháp chủng tử, nhập Diệt tận định, nhập Vô tướng định, sinh Vô tướng thiên, lúc sau không hợp các thức lại sinh. Nếu các thức chẳng phải sắc chủng tử đã tùy theo, là sinh Vô sắc giới dị sinh, từ thọ tận nghiệp hết không sinh trở lại thời sau. Sắc không có chủng tử lẽ ra không sinh trở lại, tâm sắc ấy v.v... nhưng ắt sinh lại, thế nên phải biết các loại tâm sắc chủng tử tùy theo tâm sắc lấy đây làm duyên tâm, sắc sinh lại. Chỗ kiến lập này đạo lý chủng tử, phải biết lại nương cái chưa kiến lập A-lại-da thức Thánh giáo mà nói, nếu đã kiến lập A-lại-da thức phải biết lược nói các pháp chủng tử tất cả đều nương A-lại-da.

Luận: “Có thuyết nói sáu thức” đến “nhưng không sai biệt”.

Nhưng chuẩn theo các giáo, sư Kinh bộ chấp tổng cộng có bốn loại:

1. Bản Kinh bộ thừa nhận sáu căn bên trong là tánh sở huân, như trong luận Du-già quyển 51 phần cuối nói: Sắc trì chủng, tùy theo lời nói kia như trước đã dẫn. Lại Thuận Chánh Lý quyển 18 ghi: Đây là xưa tùy theo thể không thể nói, chỉ nên nói là nghiệp phiền não sở huân sáu xứ, cảm quả khác sinh.

Giải thích: Tùy theo giới tức là tên khác của chủng tử, tân cựu sự riêng gọi là cựu tùy giới.

2. Sáu thức triển chuyển mà hỗ tương huân nhau.

3. Niệm trước huân niệm sau.

4. Cùng loại thọ huân.

Cho nên Vô Tánh luận quyển 2 ghi: “Lại có chỗ huân tập dị chấp như vậy, hoặc nói sáu thức triển chuyển huân nhau. Hoặc nói niệm trước huân ở niệm sau, hoặc nói huân thức chủng loại mạn-na”.

Hỏi: Luận này ở sau nói: Sáu thức thân hoặc sự, hoặc loại, hai niệm trước sau đã không cùng có, chẳng phải hỗ tương huân, chuẩn theo đây tha thừa nhận việc trước sau so sánh lại hỗ tương huân, nếu không phải như vậy thì phá tha có lỗi tương phù, đã không tương phù chấp vì sao chẳng phải năm?

Đáp: Có ba giải thích:

1. Căn cứ đây quả thật có năm loại, nói bốn pháp là không đúng.
2. Luận này cùng phá chấp thứ ba, thứ tư ở trước, chẳng phải là biệt chấp.
3. Lập ngăn chẳng phải là bản chấp.

Biện rằng: Thứ ba thù thắng, còn lại thì Đại thừa Tiểu thừa không có nói, nếu nói cùng phá ba và bốn chấp làm sao vặn hỏi nói chẳng phải hổ tương huân? lẽ nào là ba và bốn chấp thừa nhận hổ tương huân ư?

Luận: Thức chuyển biến.

Có thuyết nói chuyển biến nhưng có ba nghĩa:

1. Tự loại không đồng thời, trước sau chuyển biến.
2. Tự tha không đồng thời, trước sau chuyển biến.
3. Tánh, giới, địa v.v... trước sau chuyển biến.

Cho nên thể sự của thức không thể trì chủng, nếu thừa nhận trì chủng, tâm sở y diệt, chủng cũng mất theo, niệm sau quả khởi lẽ ra không có nhân, nên ở trên thức giả lập một loại, thể của thức tuy khác mà loại của thức thì đồng, quán thông trong hai niệm trước sau, ở trong hai niệm không có chuyển biến trì chủng thọ huân, như Thượng tọa bộ nhân quả sinh diệt, như thức của niệm ban đầu khi ở trong sinh tướng, loại của nó cũng vậy. Đến niệm thứ hai thức ở diệt tướng, không có tự thể, chẳng phải nhân, loại ở dị tướng năng sinh hậu thức và loại sinh tướng, cùng với niệm sau này thể của thức đồng thời có hai loại ấy, nhân ở dị tướng, quả ở sinh tướng, thức đồng thời này huân sinh tướng loại, loại trước lực kém chỉ trì chủng cũ không thể thọ huân, như vậy loại này niệm niệm tương tục, trước đến dị tướng, sau đến sinh tướng, trì chủng không đoạn, nếu đối với năm chủng, không có tâm vị, tuy không sinh tâm nhưng loại khoong đoạn. Văn sau phá rằng: Lại vô tâm vị loại này quyết định không có, y tự tông phá, hoặc có tâm vị như sinh tướng trước, hoặc vô tâm vị loại ấy cũng không, giả ất nương thật vì không có sở y.

Biện rằng: Căn cứ kinh Đại thừa Tiểu thừa các luận tạng và cổ đức xưa nay biên chép đều không nói Kinh bộ hiện đang thừa nhận có hai thời, sợ tự xuyên tạc do ý định. Chuẩn theo tông chấp ấy, trước sau hai thức đồng một loại thức, không nói hiện đang phân hai thời. Cho nên Vô Tánh luận quyển 2 ghi: “Sáu loại chuyển thức hoặc hai sát-na đồng một loại thức”. Nếu nói tự là nương ít phần ấy mà nói, nhưng không nói hiện đang đồng với hai phần ấy. Nếu lập chống chế này, lý có thể thông chút ít, nhưng lập không rõ ràng, cho nên vặn hỏi chuẩn theo đây.

Luận: Nếu là thiện ác lẽ ra không thọ huân v.v...

Hỏi: Nếu pháp thiện ác, không thể thọ huân nên không trì chủng, tại sao Du-già thừa nhận pháp ba tánh hổ tương trì chủng? Cho nên quyển 51 ghi: “Nếu khởi tâm thiện, hoặc tâm nhiễm ô, hoặc tâm Vô ký, tất cả tâm này đều thiện chủng tử, nhiễm ô chủng tử, Vô ký chủng tử đã tùy theo kiến lập này”.

Đáp: Tùy chuyển lý môn, chẳng phải nghĩa chân thật, trong Du-già tự hiểu, vẫn như trước có dẫn.

Luận: “A-la-hán” đến “pháp Vô lậu huân v.v...”.

Hỏi: Chuẩn theo trong số phán phân, hoặc căn cứ tự thân thứ lớp của phàm thánh, hoặc đứng về tha tự phàm thánh huân nhau, do đâu làm vắn hỏi này?

Đáp: Do bản chấp thức hai niệm không đồng thời, không có nghĩa tương ứng, bị Đại thừa phá huân tập không thành, cho nên chưa chấp loại hai thức trước sau mà so sánh là một, nên thức trước huân loại, năng huân sở huân không có lỗi không đồng thời, năng sở y sai khác, cũng được gọi là năng sở huân cả hai. Đoạn loại lia thức mà không có thực thể khác, cũng được gọi là do trước huân sau, cho nên Vô tánh luận quyển 2 ghi: “Nếu nói y chỉ chủng loại cú nghĩa, sáu loại chuyển thức hoặc hai sát-na đồng một thức loại, do dị phẩm nên có tướng huân tập, chẳng phải tất cả”.

Giải thích rằng: Thức trước sau sai khác, năng sở huân khác gọi là dị phẩm. Lại nói gần kế trước sau tương huân không nói tất cả, nói chẳng phải tất cả.

Hỏi: Nhưng thức huân loại sao gọi là hổ tương?

Đáp: Giả thật năng sở hình đối đãi gọi là hổ, cũng như ở đời nói cha con tương sinh. Lại loại đã một thức sau huân lúc bấy giờ cũng được gọi là huân niệm trước, như trước huân thức sau ý nghĩa đồng. Hoặc có thể họ thừa nhận loại, thức huân nhau, đồng với luận này nói, nếu không như vậy sao gọi là hổ tương? Đã thừa nhận trước sau nhiều thức tuy khác mà loại là đồng, cho nên trước huân sau, trước phàm sau Thánh, loại đồng thức khác, sao không đồng họ trước huân sau?

Hỏi: Nếu vậy chỉ có thể vắn hỏi tự trước sau, tại sao vắn hỏi khiến dị thân huân nhau?

Đáp: Tự thức trước sau dị loại đồng được huân nhau, tha thân loại cũng đồng nên vắn hỏi lại huân tập, nên trong Vô Tánh luận ghi: Tâm A-la-hán không phát ra thức loại, nó cũng phải là bất thiện sở huân, cùng với đây đồng.

Sớ: Do bản chấp ấy là bản ý này.

Phán phân ý này rằng, trước sau thức khác mà thức loại đồng, thức loại thọ huân, thức gọi căn, pháp; căn, pháp khác đồng với căn và pháp của thức, cũng được gọi là thức loại đồng. Loại pháp này lẽ ra hỗ tương huân nhau, đồng với loại của thức trước sau ấy.

Hỏi: Trước sau đều là thức đồng loại có thể huân, còn căn pháp chẳng phải thức đồng loại, sao được nêu bày huân?

Đáp: Loại là tương tự, thức có căn pháp, các căn pháp tự khác đã tự đối với thức sao chẳng phải thức loại? Thức loại đã đồng, vì sao chẳng phải huân lẫn nhau?

Sớ: Hoặc hợp ý căn thành tạo sắc tánh v.v...

Xét luận ấy quyển 2 ghi: Nghĩa là nhãn v.v... căn thanh tịnh sắc tánh đều là chỗ tùy theo của căn chủng loại, ý căn cũng lẽ ra thành tạo sắc tánh, vì các nghĩa căn.

Hỏi: Loại thuộc đồng phần, tức thuộc hành uẩn, vì sao ý vận hỏi khiến thành tạo sắc?

Đáp: Vả lại năm căn tự giả thật nếu luận riêng thì thuộc về pháp đồng phần, nhiếp giả từ thật gồm thâu nhiếp sắc giới, thức loại cũng vậy. Luận căn cứ nhiếp giả tùy thật môn mà nói, cũng không có lỗi. Nhưng ý vận hỏi rằng: Hai tâm trước sau thức dị loại đồng, đều đồng thời với sắc uẩn, sắc tâm hai pháp khác căn đồng loại, đều đồng thời với sắc uẩn, nếu nói sắc tâm sai biệt, không được đồng tạo sắc, cũng có thể sắc tâm sai khác căn loại không nên đồng, rộng phá như các luận.

Sớ: Hậu Vô ký có thể như vậy.

Đây giả sử thừa nhận, trong Vô ký rõ ràng rước huân sau, lý thật không đúng, huân tập cùng thời, không được trước sau. Hậu Vô ký chẳng phải đều là Thức thứ tám, nên biết giả sử thừa nhận.

Luận: Cũng không nên chấp sắc tâm triển chuyển hỗ tương làm chủng sinh.

Như quyển 51 rộng nêu bày chấp ấy, đủ như trước đã dẫn.

Luận: Y tự tỷ lượng v.v...

Như trong sớ, Xu Yếu, Nghĩa Đăng nói đủ.

Hỏi: Như Phật pháp là đối Thanh luận sư lập thanh vô thường, thanh tông hữu pháp không lập lỗi ấy, chân tánh Hữu vi đã là hữu pháp, vì sao các sớ phán phân thành lỗi? Do trong hữu pháp không nói không chẳng?

Đáp: Như Sớ luận sư đối với Phật pháp nói ngã là tư, tuy trong Phật pháp thừa nhận có giả ngã, trong luận nói không phân biệt, ý bàn tư ngã nên có lỗi sở biệt, loại này cũng vậy, cho nên có lỗi của pháp.

Hỏi: Nếu vậy tông thanh cũng không phân biệt tông đối thanh thường, nên có lỗi sở biệt?

Đáp: Tạm nói thanh lập, đối phương đều thừa nhận, chân tánh Hữu vi đạo lý sai biệt, lập đối phương bèn có sai khác, nên có lỗi của pháp, không đồng tông thanh. Chuẩn theo Chương Trân luận có rộng phân tranh, như trong Nhân Minh có dẫn.

Luận: “Ngoại đạo” đến “thành đại tà kiến”.

Có nghĩa, nếu nói phá này họ chống chế khiến đồng ngoại đạo, là tự tông y tha cũng chẳng phải thật có, hai lỗi đã đồng tại sao riêng vặn hỏi? Nên nay riêng giải thích. Ngoại đạo hủy báng chỉ nói chẳng phải thật, chứ không phải vì nêu bày nên đều là đại tà kiến, nay ông nói không thành đại tà kiến, giải thích thành đại tà kiến không phải phá chống chế.

Biện rằng: Thật nói chỉ có thuộc pháp thường tịch, có thể như đã phán phân, nếu nhân chiêu cảm đạo lý chẳng phải lầm gọi đó là thật, tự tông y tha sao không gọi là thật? Tức đoạn sau nói, thể của thú sinh là phải thật có, thể thú sinh này lẽ nào chẳng phải y tha? Trong Thánh giáo nói chỗ thật chẳng phải một. Do đây phá chống chế đạo lý không trái, lại nếu không chống chế, tại sao luận nói ngoại đạo hủy báng, cũng không nói hoàn toàn không, cũng nói cũng là ai, cho nên biết sở giải thích thâm đặc diệu chỉ.

Luận: “Nếu tất cả pháp” đến “tư lương của Bồ-đề”.

Hỏi: Xét luận Chương Trân ghi: Y thế tục phước trí tư lương hai loại chẳng phải không có, y tha cũng có, nay vặn hỏi y tha lẽ nào tông không có lỗi sao?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Vặn hỏi chẳng phải thật không trách cái không kia, tức luận kể nói không nói hoàn toàn không có, nhưng chấp chẳng phải thật, nên biết tông ấy thế tục tuy có mà chẳng phải thật, nếu không như vậy lại có tha tùy theo một lỗi.

2. Căn cứ Thắng nghĩa, bản được tư lương cực quy về chân đế, chân đế tức không, tư lương dùng làm gì.

Sớ: “Và Nhiếp luận quyển 2” đến “nghĩa trong quyển 3”.

Nhiếp luận Vô Tánh quyển 2 rộng nói huân tập, trong huân tập mà biện nghĩa nhiễm tịnh do tâm.

Lại nói: An lập tướng Thức thứ tám lược có ba loại:

1. Tự tướng.
2. Nhân tướng.

3. Quả tướng.

Trong quả tướng cũng nói rõ tạp nhiễm thanh tịnh do tâm, như ở sau trong phần sơ sao có dẫn, nên ở đây không nói đủ.

Luận: Mạng căn ấy v.v... vì không có việc này.

Hỏi: Các căn như nhãn v.v..., nhĩ v.v... căn đoạn, Hữu tông chánh nghĩa không thừa nhận lại tương tục, dựa vào đâu nói?

Đáp: Xét luận Đại Bà-sa quyển 150 ghi: “Nếu khi thiên nhãn hiện tiền sinh đặc nhãn là đoạn chẳng? Nếu đoạn tại sao không nói dị thực sắc đoạn rồi sau tương tục, nếu không đoạn thì cả hai đều thấy sắc vì sao không lẫn lộn?”

Đáp: Nên nói không đoạn, do dị thực sắc đoạn rồi lại không tương tục, có thuyết nói khi thiên nhãn khởi sinh đặc nhãn đoạn. Đoạn có hai loại: Một là tạm thời đoạn, hai là rốt ráo đoạn. Tạm thời đoạn là có thể tương tục, rốt ráo đoạn là không tương tục, nên không có lỗi. Có thuyết nói sinh đặc thiên nhãn cùng nhau tương tục vì sinh chưa từng không có, nên không thể nói đoạn. Có thuyết nói khi nhãn sinh đặc nhãn đoạn cũng không có lỗi, cũng có dị thực sắc đoạn rồi mà tương tục, tại sao biết như vậy? Như trong Khế kinh ghi: “Vua trong tất cả hành bố thí tự móc hai mắt bố thí cho Bà-la-môn, do tư nguyện thù thắng khiến mắt bình phục”. Lại như trong kinh ghi: “Ác Hành lúc đó do Kiệt-địa-la-câu lấy con mắt thiện hành, cũng do thắng tư nên lại được nhãn căn”. Giả sử luận nói, địa ngục có núi đè ép khiến hữu tình thân thể hư hoại, sau đó không bao lâu các căn sinh lại, trong các địa ngục loại này chẳng phải một, nên biết dị thực sắc đoạn rồi lại tương tục.

Biện rằng: Nói như vậy, khi khởi thiên nhãn sinh đặc không diệt, dị thực sắc đoạn cũng không có nghĩa tương tục.

Hỏi: Trước đã dẫn sự tại sao nói thông?

Đáp: Thật chưa móc mắt, việc ấy thế nào? Nghĩa là Phật ngày xưa khi làm Bồ-tát, từng làm Quốc vương gọi Nhất thiết thí, hay do làm mãn nguyện cho tất cả người đến cầu, người trên trời gọi là lưu bố, lúc bấy giờ Thiên Đế Thích liền đến suy nghiệm biết ý thí ấy, lại tự hóa thành thân Bà-la-môn, đi đến trước vua chú nguyện rằng:

- Nguyện thường tôn thắng.

Vua hỏi:

- Phạm Chí đến đây muốn cầu việc gì?

Phạm Chí đáp:

- Ta đang cần mắt vua.

Vua dùng bốn báu làm mắt để cúng thí, Phạm Chí không chịu

nhận lời và nói ta cần mắt vua, không cần lấy thứ này. Vua nghe việc này lại đưa hai tay sắp tự móc mắt, Đế Thích biết tâm bố thí của vua quyết định ngăn lại và hỏi vua:

- Ông muốn cầu gì?

Vua nói:

- Chỉ có các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là mong cầu của ta.

Đế Thích nghe rồi hiện trở lại thân hình cũ, khen ngợi vua rằng:

- Thật là Bồ-tát không bao lâu quyết định được Vô thượng Bồ-đề.

Nói lời này rồi bỗng nhiên ẩn mất, cho nên lúc bấy giờ vua thật chưa móc mắt. Lại họ dẫn trong Thiện Ác Hành kinh, trong các địa ngục có các chủng tử khác, nếu không như vậy thì đoạn rồi lại không sinh.

Giải thích rằng: Đây nói chủng tử, như quyển 19, tức luận kia nói, nếu trong địa ngục tháo các chi tiết, nhẫn đến mài nát cũng có thân căn. Có thuyết nói lúc bấy giờ cũng có nhãn v.v..., dị thực đoạn rồi lại không tương tục. Có thuyết nói nhãn v.v... đoạn rồi lại tương tục, do nghiệp dẫn cho nên các nẻo pháp vốn như vậy. Thân căn ắt không đoạn lại tương tục, các sắc căn này là chỗ nương dừng. Các sư khác nói trong các địa ngục tuy tháo chi tiết thành trăm ngàn phần, nhưng trong các phần đều có thân căn, trong các phần nối nhau liên tục, như đập dập cây đũa trọng và gốc cọng ngó sen. Lại như đập dập dây dưa bị gãy mà không đứt lìa, nếu lìa nhau thì thân căn cũng không có. Chẳng phải mười hữu tình có hai thân, nhưng ở đời hiện thấy các thân côn trùng đứt nhiều đoạn mà vẫn còn ngo nguậy là do sức của phong chuyển, chẳng phải có thân căn.

Giải thích rằng: Đây chính là nhà luận chủng tử. Nếu y Kinh bộ, dị thực sắc pháp đoạn rồi lại tương tục, nay y Đại thừa, các dị thực sắc tuy đoạn rồi lại tương tục, nếu lìa các căn lại không chấp thọ, cũng gọi là không tương tục, nhưng sau khi căn đoạn rồi từ chủng sinh cũng gọi là tục, vua bố thí các việc ấy lý không trái. Nhưng đối với địa ngục, trong truyện có hai thuyết:

1. Tất cả các căn như nhãn v.v... ở trong địa ngục ắt không có nghĩa đoạn, vì tương tục thọ khổ không có gián đoạn.

2. Vô gián địa ngục các căn không đoạn, sáu thức sáng suốt lạnh lợi vì khổ tương tục. Trong các địa ngục khác cũng có gián đoạn, tùy đoạn tùy sinh, vì trong Khế kinh nói, có nghĩa là tuy chưa thấy vẫn nhưng thuyết sau là thù thắng.

Biện rằng: Đã không có văn phán phân, thuyết trước sao lại không thù thắng? Do đây lấy bỏ tùy ý.

Luận: Lại ở trong định v.v...

Xét luận Du-già quyển 51 ghi: Nghĩa là như lý suy nghĩ đến định và tán loạn bao gồm có sáu vị, đủ như trong số nói. Hành tướng ấy là suy lường an lập, phi an lập để. Chánh tư duy gọi là như lý tư duy, các loại ngoại đạo lẽ nào sánh kịp chăng? Tư duy lường xét là không như lý mà tư duy. Các duyên mặc tình và vô tâm vị gọi là không tư duy. Nếu tâm tư duy lựa chọn gọi là suy cầu. Nghĩa của hai vị định và tán nên biết. Luận này chỉ có bốn, rộng lược có sai khác, nhưng nhiếp nhau với lý kia, suy nghĩ có thể biết.

Luận: Lý có rất nhiều thân sinh khởi.

Thân này thọ tức là trong các định là xúc cảnh sở duyên Thức thứ tám, là hậu thân thức sở thủ bản chất, như trong số giải thích. Lại có thuyết nói, nhập các vị của định có năm thức thân, thân thọ sinh khởi, chứng có Thức thứ tám, nghĩa là do Thức thứ tám biến xúc của bản chất, thân thức nương khởi xúc ảnh tượng ấy, nếu không có bản chất ảnh tượng cũng không, tại sao ở định được có thân thức? Nghĩa là thọ cảnh ấy, việc làm lao nhọc hay vừa ý liền thành. Xác quyết rằng, số giải thích là chính, khiến thân nhọc tổn vì chẳng phải ảnh tượng, các thời khác cũng có tướng ảnh tượng, cho nên ở trong tất cả vị lẽ ra đều nên nói.

Biện rằng: Các giải thích khác và xác quyết, lý đều có thừa, lẽ nào khi vô tâm hậu thân thức khởi không biết lao nhọc hay vừa ý? Nếu vậy tại sao chỉ có đứng về trong định có thức mà nói? Lý năm thức được nhân duyên biến thân nhiếp, xúc ảnh tượng tại sao vô dụng? Nếu nói năm thức là phân biệt biến, liền trái chánh lý, như trước biện đủ.

Sớ: Thân sở thọ nên trái nghĩa là thọ tâm sở.

Các xúc như lao nhọc hay vừa ý là thân sở thọ, sở thọ gọi là thọ, chẳng phải thọ của năng thọ.

Sớ: “Đây lựa chọn khởi tâm dị thực” đến “không có đồng dụ”.

Nếu không nói lựa chọn các tâm dị thực mà chỉ nói chẳng phải thật hữu tình nên khởi dị thực, đây liền tương phù, tha cũng có khởi tâm dị thực, lại do không lựa chọn các tâm dị thực, lại ở trong tông không thể lấy tông mà dùng làm dụ, nên thiếu lỗi dụ.

Sớ: Nếu không như vậy lại có sở lập không thành v.v...

Nếu cũng không có thừa nhận như vậy, thì dụ của luận chủ có lỗi tự sở lập, do tự không thừa nhận sáu loại chuyển thức chân dị thực.

Sớ: Họ nói không có nên không có câu bất thành.

Tiểu thừa ấy không thừa nhận Thức thứ tám, Thức thứ tám đã không có, lại không có tự thể của dụ, do không có dụ y, cả hai lập liên không, gọi là không có câu bất thành.

Luận: Chẳng phải pháp dị thực thú sinh tạp loạn v.v...

Lựa chọn sắc, tâm, tâm sở, biện đủ như trong Nghĩa Đăng.

Hỏi: Chiêu lấy nghiệp trong ba đường, khởi ắt trong cõi người, nghiệp hoặc này thuộc nẻo nào? Nếu thuộc ở cõi người lẽ nào có thể người chiêu cảm nghiệp ba đường ác ư? Nếu thuộc về ba đường, cảm nghiệp trong ba đường phân biệt hoặc phát khởi, nó không phân biệt làm sao được thuộc về nó?

Đáp: Trong truyện có hai giải thích:

1. Trong loài người tạo nghiệp nẻo ác mà cảm quả báo ấy, hay chiêu nghiệp cảm nên thuộc ở cõi người, do ba đường ác không phân biệt.

2. Tuy ở cõi người khởi hoặc nghiệp ấy, hoặc nghiệp lại thuộc chiêu cảm báo thú, không thể nghiệp hoặc cõi khác chiêu cảm quả cõi khác, nhưng nói nẻo ác không phân biệt hoặc, căn cứ không hiện nói, không chướng thành tự.

Biện rằng: Cả hai đều có lý, lại nương giải thích sau. Như ở trong loài người khởi nghiệp cõi trên nghiệp thuộc cõi trên. Lại trong loài người, nghiệp làm duyên xa, cũng không có lỗi, như do muốn thiện được định trên, nếu y giải thích trước thì thiếu nhân của định dị.

Sớ: Trong dị thực sắc có chín xứ trừ thanh.

Do tha không thừa nhận thanh là dị thực, nay lựa chọn cùng thừa nhận cho nên trừ thanh.

Sớ: Nhưng đây tuy nói bất cộng nhân.

Tức nhân hằng, sinh đặc thiện v.v... không gọi là bất cộng.

Sớ: Cũng nói cộng v.v...

Tức biến không tạp, sinh đặc thiện v.v... tự tha đều có gọi là cộng.

Sớ: Có tự thể thông, ở trên cũng có.

Kỳ thật có nhân thông, ở trước đã nói chẳng phải dị thực v.v..., và sắc dị thực năm thức nghiệp cảm, cho nên nay không nêu.

Luận: Cũng chẳng phải thuộc về giới vì chẳng phải Hữu lậu.

Hỏi: Thú sinh hữu lậu lấy chứng thứ tám, giới chẳng phải Vô lậu sao không nói có Thức thứ tám?

Đáp: Giới tuy Hữu lậu, nhưng thông ba tánh và tình phi tình, cho

nên không thể chứng đối với hữu tình dị thực thức.

Sớ: Năm căn ở tự thân.

Hiện tự năm căn là tự tám tướng, Thức thứ tám chấp thọ.

Sớ: Chẳng phải tướng phần, tha thân năm căn khác nương v.v...

Đây nói tha thân năm căn và y, không phải tự Thức thứ tám tướng phần từ Thức thứ tám không chấp.

Sớ: Tát-bà-đa chẳng phải quá khứ vị lai.

Đời quá khứ vị lai không gọi là chấp thọ, gọi là chẳng phải quá khứ vị lai, không nói quá khứ vị lai nhưng không có tự thể nên gọi là chẳng phải quá khứ vị lai. Thế nên Câu-xá ghi: Trong mười tám giới có chín giới không có chấp thọ, nghĩa là bảy tâm giới, thanh giới, pháp giới, còn chín giới khác đều thông hai loại, nghĩa là nhãn v.v... căn trụ đời hiện tại gọi là có chấp thọ, quá khứ vị lai gọi là không chấp thọ. Sắc hương vị xúc trụ đời hiện tại không là năm căn gọi là có chấp thọ, nếu trụ hiện tại chẳng phải không là căn, quá khứ vị lai gọi là không chấp thọ. Như ở trong thân trừ cùng căn hợp, tóc lông móng răng, đại tiểu tiện lợi, đàm dãi máu v.v... và ở ngoài thân như sắc hương vị xúc trong đất nước v.v..., tuy cũng hiện tại mà không chấp thọ.

Trong Chánh Lý luận ghi: Các sư khác nói không là căn thanh cũng có chấp thọ.

Hỏi: Trụ vô tâm vị hiện tại, năm căn sao gọi là chấp thọ?

Đáp: Chấp thọ loại cho nên cũng gọi là chấp thọ. Nếu vậy quá khứ vị lai nên gọi là chấp thọ, vặn hỏi này nếu không đúng, năm căn hiện tại dung chứa có phát thức gọi là có chấp thọ, quá khứ vị lai thì không như vậy. Lại giải thích hiện căn thức khi không khởi gọi là không chấp thọ, y hiện phát thức nói có chấp thọ, không nói hiện tại chỉ có chấp thọ. Như định đạo giới hay tạo đại chủng, tuy không là thân cũng là hiện tại mà không chấp thọ, năm căn cũng vậy. Sư trước giải thích rằng: Định đạo đại chủng tại định liền có, xuất định liền không gọi là không chấp thọ, năm căn tương tục cùng thức không đồng. Số y nghĩa trước, có xác quyết cho rằng giải thích sau là thù thắng.

Biện rằng: Đã chưa có văn, cả hai đều có lý, mặc tình lấy bỏ.

Sớ: Giả sử Thức thứ bảy cũng hiện duyên khởi.

Đây giải thích chiết phục vặn hỏi, vặn hỏi rằng: Nếu mặc tình sinh tức năng chấp thọ thứ bảy lẽ ra như vậy, nên văn này sinh. Do Thức thứ bảy Hữu phú Vô ký, chẳng phải nghiệp trước dẫn, nên hiện duyên sinh, không gọi là năng chấp.

Luận: “Chỉ có tâm dị thực” đến “không có nghĩa như vậy”.

Xét luận Du-già quyển 51, do năm nhân nên hiển năng chấp thọ là A-lại-da. Sở tuy đã dẫn nhưng cùng bản văn có khác nhiều ít, thoát bị vặn hỏi nên dẫn lại. Luận ghi: Nghĩa là A-lại-da thức đời trước đã tạo nghiệp hành làm nhân, nhân v.v... chuyển thức ở đời hiện tại, các duyên làm nhân, như nói căn và cảnh giới do sức tác ý nên chuyển thức sinh, nhân đến rộng nói, đây gọi là nhân đầu. Lại sáu thức thân có các tánh thiện và bất thiện có thể được, đây là nhân thứ hai. Lại sáu thức thân Vô phú Vô ký dị thực thuộc sở nhiếp không thể được, đây là nhân thứ ba. Lại sáu thức thân đều riêng y chuyển ở nơi bỉ bi y bỉ bi thức chuyển, tức bỉ sở y nên có chấp thọ, còn không chấp thọ không đúng đạo lý, giả sử thừa nhận chấp thọ cũng không đúng lý, vì thức xa lìa, đây là nhân thứ tư. Lại sở y lẽ ra thành thường, thường là lỗi chấp thọ, vì sao? Do nhân thức ấy ở trong một thời chuyển, một thời không chuyển, các thức cũng vậy, đây là nhân thứ năm.

Luận: “Ý đây nói” đến “chấp thọ v.v...”.

Hỏi: Trước chánh chấp đủ lựa chọn lời nói này lẫn lộn sao chỉ có ba?

Đáp: Đủ như trong sở và Nghĩa Đăng. Có nghĩa, lựa chọn lẫn lộn trong văn nên trước nêu vặn hỏi. Nghĩa là người ngoài vặn hỏi rằng: Nếu chỉ có dị thực năng chấp thọ thì báo thân chư Phật lẽ ra không chấp thọ, không có dị thực, nên đáp như trong luận. Chỉ có ba nghĩa trước hiển chấp thọ Hữu lậu, nên năm nghĩa lựa chọn, nay hiển chấp thọ Vô lậu căn thân nên chỉ nói ba, Phật tịnh Thức thứ tám chẳng phải nghiệp sở dẫn, là thiện tánh nên không có hai nhân đầu. Nếu y sở nói, đây chỉ nên nói nhân v.v... chuyển thức không có nghĩa như vậy, cần gì nêu lại. Một loại đồng ba, so với Nghĩa Đăng, đại ý tương tự, nhưng có khác chút ít, suy nghĩ có thể biết.

Luận: Chẳng phải các sắc căn v.v...

Đối phá hai tông đủ như trong sở đã nói. Có nghĩa, sở nói sắc căn, chánh phá Kinh bộ bản chấp sắc căn cũng năng trì chủng và thọ huân, bất tương ưng hành riêng nói mạng căn và chúng đồng phần, chánh phá Nhất thiết hữu bộ, Kinh bộ không khác bất tương ưng, nên nay giải không đúng. Kinh bộ sắc tuy năng trì chủng, đã không có sở duyên, lý không đúng vì là năng chấp thọ, tông Nhất thiết hữu chỉ nói sắc căn, và căn y xứ, là có chấp thọ, mạng căn, đồng phần chẳng phải năng sở thọ cũng không nói là năng chấp thọ, nên nay riêng nói sắc căn chẳng phải chấp là ngăn phá Kinh bộ, bất tương ưng hành là ngăn Tát-bà-đa.

Lại giải thích văn này thông ngăn hai bộ, chỉ là chẳng phải chánh

phá, đều không có lỗi.

Biện rằng: Sở chỉ nói phá Kinh bộ, Hữu bộ mà không chánh nói, đây bèn vọng nói ra lỗi, lại giả sử chánh nói, lý nào có lỗi, do sư Kinh bộ thừa nhận sắc căn trì chủng thọ huân, sắc căn v.v... đối với luận gọi là chánh, không nói tha thừa nhận sắc căn chấp thọ, đối với luận gọi là chánh, trong Hữu bộ chuẩn theo đây. Lại nói ngăn chung cũng là không thể, việc của bất tướng hành trì chủng hai bộ không sai khác, sao lại giả ngăn hết? Lời nói vô nghĩa sợ phiền bút nghiên.

Sớ: Thân cúi ngược.

Ngược là ngửa lên, cúi là gập xuống.

Sớ: “Dụ này có lỗi” đến “chẳng phải thức năng trì”.

Hỏi: Dụ làm sao có lỗi?

Đáp: Sở lập không thành, y luận lượng rằng: Dị thực thức là tông Hữu pháp, có thể lập thành trì thọ, noãn thức là pháp, cũng như thọ, noãn là dụ của nó, nhân pháp có thể biết. Trên dụ thọ, noãn không có pháp có thể trì thọ noãn thức, do thọ noãn ấy mà thể không phải trì thọ noãn thức nên thành lỗi. Trong sở giải thích, do thọ noãn chẳng phải trì thọ noãn thức.

Sớ: “Trước ta đã nói” đến “dùng noãn làm lý”.

Trước nếu ta nói chuyển thức không khắp mà không năng trì, ông có thể nêu noãn không khắp làm ví dụ, mà chỉ nói chuyển thức gián đoạn không trì, đâu được dùng noãn không khắp làm ví dụ.

Sớ: “Đây cũng không đúng” đến “và chẳng phải Vô lậu”.

Ý người ngài vặn hỏi, nếu thức thọ noãn đều năng trì, vặn hỏi thức đồng, còn lại không thông ba tánh, và ở Vô lậu cũng nên thọ noãn, đều năng trì, noãn đồng với thọ, noãn không phải noãn, noãn tuy năng trì không đồng với thọ, mà được gọi là noãn, thức tuy năng trì không còn hai mà thông ba tánh và với Vô lậu.

Sớ: “Ý này không đúng” đến “nêu bày thành lỗi”.

Ý giải thích này nói: Ý vặn hỏi trước là không thể Vô lậu năng trì Hữu lậu, còn hai pháp năng trì pháp Hữu lậu, đã là Hữu lậu thức lẽ ra đồng với Vô lậu. Vặn hỏi ba tánh ý nghĩa cũng đồng với trước, lẽ nào có thể đem các vặn hỏi ba tánh, nương vặn hỏi thọ v.v... tất cả hợp đồng.

Sớ: Nếu không trì thì liền mất hoại.

Chẳng nếu không có hiện thức trì, tức lại mất hoại.

Sớ: Tâm mê mờ ám muội tánh yếu kém.

Có nghĩa vị vô tâm này tại sao mê mờ yếu kém? Giải thích rằng: Tức ở vị trước, thân tâm hôn muội nên niệm sau các tâm không hiện

hành, sở nhân ở đây nói chẳng phải vô tâm vị, nhưng lập nhân này lẽ ra nói thân tâm rất mê mờ, nếu không như vậy thì bất định, có tâm thù miên cũng mê mờ.

Biện rằng: Chẳng phải không có nghĩa ấy, nhưng đối với hữu tâm nói vị thù thắng, vô tâm tâm gọi là mê mờ yếu kém. Yếu kém nghĩa là không có sức lực, không sinh hiện hành, như nói mặt trời lặn gọi là tối tăm, lý cũng đâu có lỗi. Nếu nói niệm sau mới vô tâm, dù thiếu năng lập, trong văn đã nói khi cực muộn tuyệt, cực nghĩa là thông ở trên, văn phương tiện khéo léo, không phiền nêu ra.

Sớ: Văn này có thể như vậy vì nói không khác.

Văn Duy thức này mong giải thích thứ nhất, lý có thể như vậy. Nói không khác là giải thích có thể đúng lý, tức luận này nói nghĩa là khi sinh khi tử hiển bày không có chuyển thức, nhưng có sở bản nói tông không khác, chữ tông là nhầm, lẽ ra phải là chữ “nói” mới đúng.

Sớ: Tức dùng văn này chứng minh có Thức thứ sáu.

Đối Pháp luận lấy văn của tâm Vô ký mạng chung mà làm chứng. Hoặc có thể, do đây làm dẫn kinh mà làm chứng. Kinh ghi: Sinh tử ắt trụ tán tâm, nói tán tâm mà gọi là Thức thứ sáu, nếu không như vậy thì Thức thứ tám vốn có, nhọc gì nói lại? Thuyết trước là chính, thuận với văn sớ. Nếu giải thích riêng thì giải thích sau cũng không trái.

Sớ: “Kế là Nan-đà” đến “tiếng khen ngày nay”.

Đây nói tin nó là nhân làm người mê muội. Đối chử hiển ở trên nên gọi là “kế đến”.

Sớ: Không thức để trừ tính v.v...

Đây bèn sinh ở sau, người tin dị thuyết của Đại thừa, hoặc Nan-đà v.v... ở sau nói chung là tin dị thuyết Đại thừa, giải thích trước là chính.

Sớ: “Vô tâm riêng khởi” đến “ắt phải như vậy”.

Thân sơ hợp nói không lìa ba nhân, như các duyên nghe giáo đối với trần, tức sơ y ba, thân có thể biết.

Sớ nói: “Nếu họ ngầm nói” đến “không có tán ý”.

Tức ý này chống chế rằng, Thức thứ tám thọ sinh rồi không khởi tán ý, kế đến Thức thứ sáu liền khởi định tâm, định tâm đã có, ý lại được sinh.

Sớ: Hoặc sinh đặc thiện dẫn sinh mới khởi.

Hỏi: Sinh đặc thiện này lẽ nào chẳng phải tư v.v... cần gì nói riêng?

Đáp: Sinh đặc nhân tu, tư v.v... Gia hạnh làm sao được đồng? Lại

có rộng hẹp sai khác, sinh đắc thiện tâm thông ở trong ba cõi, tư v.v... không biến khắp.

Sớ: Tức lấy nhân của ông trở lại phá ông.

Họ nói ý thức hành, duyên khó hiểu, nay lấy nghĩa của họ vặn hỏi phá sở chấp kia, mà chẳng phải ý thức.

Luận: Lẽ ra biết tức là Thức thứ tám này.

Nhiếp luận của Vô Trước có ba nhân để phá, luận này chỉ có một. Quyển 3 của luận ấy ghi: Lại tức cùng với thức hòa hợp là tánh ý thức không hợp lý, vì y nhiễm ô, lúc bấy giờ không đoạn, ý thức sở duyên không thể được.

Vô tánh giải thích rằng: Y nhiễm ô là do lập tông môn, ý nói cùng pháp ấy tự tướng trái nhau, nghĩa là cộng quyết định nên có ba giải thích:

1. Y nhiễm ô mà lập tông pháp, nay dùng làm nhân cùng ý thức tông pháp Tiểu thừa, lỗi tác pháp tự tướng tương vi.

2. Đại thừa lập hòa hợp thức chẳng phải là ý làm tông pháp môn, Tiểu thừa sở lập là ý thức tánh làm pháp tự tướng y nhân nhiễm ô trái với tự tướng ấy.

3. Y nhiễm ô thật là nhân môn làm tông môn, do luận chủ lập trước hòa hợp thức, y nhiễm ô chỉ bày người ngoài, người ngoài tức thừa nhận lại không lập nhân, do sở lập này y tông môn nhiễm ô, cùng người ngoài ấy khởi lỗi ý thức tông pháp tự tướng tương vi, y chánh đạo lý, trước hòa hợp thức trên Hữu tông pháp có hai loại pháp: một là y nhiễm ô, hai là chẳng phải ý thức. Có chỗ nhiễm ô ắt có chẳng phải ý thức tông pháp tánh tùy theo, người ngoài tuy thừa nhận trước hòa hợp thức hằng y nhiễm ô, nhưng hòa hợp thức tức là ý thức, cũng như trên thanh có nhân sở tác, tông vô thường tùy theo tức cùng trên thanh pháp của thường tông tự tướng tương vi.

Hỏi: Nếu y nhiễm ô làm tông trong pháp lập lượng thế nào?

Đáp: Lập lượng rằng: Trước hòa hợp thức định y nhiễm ô, do năng chấp trì danh sắc v.v... cũng như mạng căn, đây do nhiễm ô ấy mà nói, mong ở luận chủ tự lập tức tông. Nếu mong phá tha tức là nhân.

Hỏi: Phá tha thì thế nào?

Đáp: Lập lượng rằng: Trước hòa hợp thức chẳng phải là ý thức, vì y nhiễm ô, cũng như mạng căn.

Biện rằng: Lý thứ hai thù thắng, do bản luận nói, lại tức cùng thức ấy hòa hợp là ý thức tánh không đúng đạo lý vì y nhiễm ô, nên biết y nhiễm chỉ gọi là nhân, tánh ý thức này không đúng lý chính là tông

pháp. Nhưng giải thích ở văn, nói cũng chưa đủ, cho nên nay giải thích, do trước hai nhà lập tông pháp, rõ biết nhiệm ô cùng tông pháp của định tự tướng tương vi. Vì sao như vậy? Phàm nhân tương vi cùng tông pháp tương vi làm nhân. Nếu cũng không thấy hai pháp tông sai khác, nhân mong ở đâu gọi là tương vi? Do đây nên nói do lập tông mà nói. Lại nhân tương vi lập đối phương cùng thừa nhận, nếu không như vậy nhân ấy tức tùy theo một pháp để nhiếp, vì lựa chọn tùy theo một pháp nói cộng quyết định, nên Bản luận nói: Thức Yết-la-lam lại cùng hòa hợp như là ý thức. Đây là nêu lại tha tông. Lại nói, nếu hòa hợp thức này là tất cả chủng thức, tức A-lại-da thức, đây tức phá tha tự lập tông, nên biết Vô Tánh nói lập tông môn, không nói nhiệm ô là tông pháp. Lại trong Vô Tánh ghi: Như vậy khi kết sinh tướng tục, thức đối với tất cả xứ, chủng loại, thời phần đều y nhiệm ô, tức Trung hữu nhiếp hậu tâm làm y, tâm sở y này sinh cảnh Hữu vi, đối với tất cả xứ, chủng loại, thời phần là nhiệm ô, thức năng y chẳng phải là ý thức, do đây vượt qua pháp ý thức. Hoặc có thuyết nói, cùng bốn phiền não hằng tương ứng tâm gọi là y nhiệm ô.

Giải thích rằng: Khi mới thọ sinh cùng thức Yết-la-lam hòa hợp, đối với ba cõi, bốn loài chủng loại, ba đời thời phần đều nương nhiệm ô. Nói Trung hữu v.v... đây đưa ra thể sở y nhiệm ô.

Hỏi: Sinh Vô sắc giới đã không có Trung hữu tại sao làm y?

Đáp: Trong đây lại căn cứ sắc mà nói, nếu sinh Vô sắc lấy tâm mạng chung câu sinh ngã ái làm sở y xa, do nhân nhiệm này vượt qua sở lập ý thức tông pháp ấy, do ý thức đó chẳng phải Nhất thiết xứ, chủng loại, thời phần đều nương nhiệm ô. Nghĩa của các sư khác, văn có thể biết.

Hỏi: Vì sao ý của hai sư không đồng?

Đáp: Vô gián, câu hữu hai y không đồng, mỗi người chọn lấy một.

Hỏi: Đã là dị loại, sao gọi là vô gián?

Đáp: Đứng về tông Hộ Pháp tức là không thể, các sư khác không trái, như ở sau tự giải thích.

Thời vô gián, trong Vô Tánh giải thích do dị thực tánh khi vô gián đoạn, do đây cũng ngăn tánh ý thức này.

Giải thích rằng: Không chỉ nhân trước ngăn ý thức, đây cũng là ngăn. Nếu khi ý thức này có gián đoạn, trước hòa hợp thức tức không như vậy, nếu thức ban đầu có gián đoạn, lúc sau nếu khởi lẽ ra nên gọi là sinh lại, rộng như ở sau có dẫn.

Ý thức sở duyên không thể biết được, Vô Tánh giải thích rằng: Nghĩa này lại tăng thêm ngăn nhân ý thức. Nếu ý thức quyết định có thể được tự cảnh sở duyên, nghĩa là có thể liễu tri, như vị Trung hữu ý thức rốt sau đã tương tục tâm sở duyên cảnh giới không thể liễu tri, nên chẳng phải ý thức.

Giải thích rằng: Nhân ban đầu nhiễm ô, không đoạn nhân thứ hai, là thứ nhất tăng nên không thể biết là thứ hai tăng nên gọi là tăng thêm, vị hòa hợp đầu nếu là ý thức, tự cảnh sở duyên liền liễu tri, đã không thể biết thì rõ ràng vị thức ấy chẳng phải là ý thức. Văn luận chỉ bày pháp, suy nghĩ có thể biết.

Biện rằng: Xem bản luận, thích, lượng không có văn nói rõ, cho nên sơ chủ bỏ hai nhân trước chỉ vặn hỏi thẳng. Cổ đức lấy mạng căn ấy làm dụ mà lập lượng của nó, lượng như trước đã biện, dụ luận đã không có, không mượn làm lượng. Lại tự Thức thứ tám cũng không được thành, tha lượng phá rằng: Thức khi mới sinh chẳng phải là Thức thứ tám vì y nhiễm ô, cũng như mạng căn, kia đây đã đồng làm sao có thể sai lầm? Do đây nên biết vặn hỏi thẳng là hay. Hoặc có thể, làm lượng luận chỉ bày phương góc, sơ lược không nói dụ, tông ta mạng căn bất định khác Thức thứ tám, mạng căn của ông dụ sở lập không thành, do đây làm lượng lý cũng nên thông. Nghĩa đã nhiều đường mặc tình lấy bỏ, thời nhân không đoạn cũng có thể lấy mạng căn ấy làm dụ.

Sớ: Lại sở y này là chủng tử thức v.v...

Nhiếp luận của Vô Trước ghi: Lập hòa hợp thức tức là ý thức, vì ý thức này hòa hợp tức là tất cả chủng tử thức, làm y chỉ thức này chỗ sinh ý thức khác là tất cả chủng tử thức, nếu hòa hợp thức này là tất cả chủng tử thức, tức là A-lại-da thức, ông lấy tên khác lập làm ý thức.

Luận: Lại lúc sắp chết v.v...

Xét trong Nhiếp luận của Vô Trước ghi: Lại lúc sắp mất tạo thiện tạo ác, hoặc dưới hoặc trên sở y lạnh dần.

Vô Tánh giải thích: Nếu tạo thiện ác, tức đối phần dưới của thân ấy lạnh dần, nếu tạo thiện ác cùng với đây trái nhau.

Thiên Thân giải thích rằng: Do tạo thiện quyết định thăng lên, nếu tạo ác quyết định đọa xuống.

Giải thích rằng: Nếu tạo thiện ác sinh cõi trên cõi dưới, cho nên cảm giác lạnh trên dưới có khác.

Hỏi: Luận Du-già ghi: Chỗ thức giá đầu tiên gọi là nhục tâm, tức từ chỗ này sau cùng xả mạng, tại sao không đồng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Tướng bên ngoài lạnh, trên dưới không đồng, thức đối với chỗ tâm cùng trên dưới ấy đồng thời đốn xả.

2. Nếu người tạo thiện, từ dưới dần xả đến nhục tâm tạng, sau từ trên xả, người tạo ác thì trái lại, do nhục tâm thật sau cùng xả, trên dưới căn cứ tướng trước khi xả mạng, lý cũng không trái.

Hỏi: Chúng sinh chưa hẳn như vậy, kinh Tam Giới ghi: “Người khi lâm chung, sắp sinh địa ngục, thần thức từ chân xuất ra, sinh loài súc sinh là từ đầu gối xuất ra, đọa làm ngựa quỳ thì từ bụng xuất ra, sinh loài người thì từ tim xuất ra, sinh cõi trời từ mắt xuất ra, làm Thánh nhân từ đỉnh đầu xuất ra”, cùng Du-già v.v... vì sao sai khác?

Đáp: Có thuyết nói, kinh đứng về tướng ngoài da, trong Nhiếp luận căn cứ ngoài da, trong Du-già thì căn cứ tâm tạng rốt sau xả.

Biện rằng: Chuẩn theo đâu được biết kinh y tướng bên ngoài? Luận nói xúc trên dưới bên ngoài cũng chẳng phải không có, tại sao Nhiếp luận chỉ có căn cứ trong da? Lại trong kinh nói tim, nào khác Du-già nói tâm tàng? Xác quyết chỉ có ngoài da, cho nên biết chỗ hiểu khó có thể nương chuẩn. Nay lại giải thích rằng: Kinh đứng về Thánh phạm mạnh yếu có phần sai khác mà chia ra xả tướng, lý thật tâm xứ tối hậu xả. Không căn cứ trong ngoài da sai khác, tướng thứ ba xả xuống, tướng thứ hai thăng lên, tướng thứ nhất là nơi chánh xả, đồng Du-già lên xuống dần, chỉ là kinh luận khai hợp có khác, nhưng nghĩa không trái.

Luận: Gá khắp trong thân.

Trong truyện có hai giải thích:

1. Hiện bày Thức thứ sáu tương tục gá khắp, chẳng phải như Thức thứ tám, nói hằng tương tục lẽ ra ở trong thuyết đầu, vì pháp vốn như vậy.

2. Đây nêu hành tướng Lại-da trái nhau, hiện Thức thứ sáu không có hành tướng này, cho nên không thể nương cảm giác lạnh dần khởi. Có nghĩa ngăn trong chuyển thức gồm có sáu nhân. Trong nhân thứ sáu, các bậc Cổ đức có hai giải thích, giải thích trước là chánh, phá bản sơ rằng, gặp cảnh liền duyên là nhân thứ năm, gặp nương liền dừng là nhân thứ tư, lìa nhân thứ tư, thứ năm tại sao lại nói riêng?

Biện rằng: Nếu giải thích thứ tư, thứ năm cùng thứ sáu đồng, có thể như đã vắn hỏi, giải thích đã có sai khác, nghĩa liền không đồng, nói sai khác có lỗi gì? Giả sử đồng thứ tư thứ năm, trước riêng sau chung, giải thích kết không đồng, lại cũng có lỗi gì? Nếu chuẩn theo các giải thích không đứng về nương cảnh, lại căn cứ lý nào mà nói gá nương khắp? Nếu căn cứ căn, cảnh, so với số nào có khác? Vì thích hay ghét

khác nhau.

Sớ: Bảy ngày sau các thân thức sinh.

Hỏi: Năm, bảy ngày rồi mới gọi đủ căn, trước đó không có căn tại sao có thức?

Đáp: Năm, bảy ngày trở đi, năm căn đầy đủ, trước đó chưa đủ, có được thân căn, cho nên bảy ngày sau có được thân thức, không nói bảy ngày sau các thức thủy đều đủ.

Sớ: “Đồng thức lùi lại” đến “đều thuộc trong đây”.

Đồng thức lùi lại, đủ như trong Nghĩa Đăng. Lại có khác và đồng như trong kinh Pháp Hoa có giải thích. Không đoạn hoại v.v... xét Vô Tánh Nhiếp luận quyển 3 ghi: “Lại như trong kinh nói, A-nan-đà, hoặc nam hoặc nữ, thức nếu đoạn hoại diệt, danh sắc được tăng trưởng rộng lớn chăng? Không”. Thế Tôn đã nói như vậy, nay nếu muốn lìa A-lại-da thức, lý không thể thành.

Giải thích rằng: Đã nói thức hoại danh sắc không tăng, rõ ràng là duyên thức ắt tương tục, thức tương tục là tức ngã Lại-da, các văn nghĩa này nay nghĩa của Chứng thứ bảy thân nhiếp.

